

DỰ THẢO 3

**BÁO CÁO CHÍNH TRỊ
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH KHÓA X
TẠI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XI
(NHIỆM KỲ 2020 – 2025)**

Phần thứ nhất

**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ X**

Phát huy truyền thống cách mạng, kinh nghiệm của 35 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng và hơn 20 năm tái lập tỉnh; với quyết tâm chính trị cao, bám sát thực tiễn, đoàn kết, năng động, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, đảng bộ, quân và dân ta đã thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa X đề ra.

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Hầu hết các chỉ tiêu, nhiệm vụ quan trọng Nghị quyết đề ra đều được triển khai thực hiện nghiêm túc, đúng tiến độ. Trong 15 nhóm chỉ tiêu cơ bản, có 08 nhóm chỉ tiêu vượt, 06 nhóm chỉ tiêu đạt, 01 chỉ tiêu gần đạt. (Phụ lục 1).

Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm giai đoạn 2016-2020 ước đạt 7,25%, tăng 0,15% so với nhiệm kỳ trước. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản chiếm 20,5%; ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 43%; ngành dịch vụ chiếm 36,5%. Quy mô nền kinh tế đạt 68.000 tỷ đồng, tăng gấp 1,64 lần so với năm 2015. Tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP) bình quân đầu người ước đạt 67,3 triệu đồng (tương đương 3.000 USD), gấp 1,54 lần so với năm 2015.

Các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chuyển biến theo chiều sâu: Đã hình thành các vùng chuyên canh cây trồng chất lượng cao, chăn nuôi phát triển mạnh theo hướng công nghiệp hiện đại; mô hình liên kết chuỗi giá trị, nông nghiệp công nghệ cao được hình thành; kết cấu hạ tầng, các khu công nghiệp, đô thị được quan tâm đầu tư phát huy vai trò mũi nhọn trong quá trình phát triển; sản phẩm công nghiệp đa dạng.

Các lĩnh vực xã hội đều có chuyển biến, đời sống nhân dân được nâng lên, diện mạo của tỉnh từ đô thị đến nông thôn thay đổi tích cực; thị xã Đồng Xoài được nâng cấp lên thành phố, đáp ứng cơ bản vai trò trung tâm kinh tế, chính trị của

tin. An sinh xã hội được đảm bảo. Quốc phòng, an ninh và công tác đối ngoại được tăng cường.

Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị có nhiều đổi mới, đạt được kết quả tốt. Đặc biệt là đã chủ động, nghiêm túc thực hiện với quyết tâm chính trị cao trong việc sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, đơn vị sự nghiệp công lập theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW và 19-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.

Kết quả trên các lĩnh vực như sau:

1. Về kinh tế

1.1. Kết cấu hạ tầng tiếp tục được quan tâm đầu tư, đặc biệt là hạ tầng điện và giao thông có bước đột phá

Hệ thống điện phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt được đảm bảo. Có 99% hộ dân sử dụng điện, đạt mục tiêu Nghị quyết đề ra. Bên cạnh việc khai thác các nhà máy thủy điện hiện có, các dự án điện năng lượng mặt trời đang triển khai khẩn trương, đồng bộ. Dự kiến cuối năm 2020 điện mặt trời được đưa vào hoạt động với công suất khoảng 450 MWp (công suất tối đa của dự án là 800 MWp); hoàn thành và vận hành đường dây 220 kV Lộc Ninh - Bình Long 2 để đấu nối các nhà máy điện mặt trời trên địa bàn huyện Lộc Ninh hòa hệ thống điện lưới quốc gia.

Hệ thống giao thông được chú trọng đầu tư, đảm bảo các tuyến giao thông huyết mạch (quốc lộ 13, 14, ĐT741) lưu thông thuận lợi, kết nối giữa Tây Nguyên với tỉnh Bình Dương, Tây Ninh, thành phố Hồ Chí Minh và kết nối thành phố Hồ Chí Minh đến các nước Campuchia, Lào, Thái Lan qua cửa khẩu Quốc tế Hoa Lư. Hoàn thành xây dựng tuyến đường tuần tra biên giới kết nối lưu thông giữa tỉnh Bình Phước với tỉnh Đắc Nông, Tây Ninh. Tỉnh đã kêu gọi và huy động vốn của doanh nghiệp đầu tư theo hình thức BOT, BT, hoàn thành một số dự án trọng điểm như: dự án BOT Quốc Lộ 13 đoạn An Lộc - Chiu Riu, dự án BOT đường ĐT 741 đoạn Bầu Trư - Đồng Xoài giai đoạn I, dự án BOT đường ĐT 741 đoạn Đồng Xoài - Phước Long giai đoạn I, dự án BT đường Minh Hưng - Đồng Nơ kết nối giao thông liên vùng, tạo động lực phát triển kinh tế.

Giai đoạn 2016-2020 ước xây dựng được 6.900 km đường giao thông. Trong đó giao thông nông thôn được quan tâm đầu tư với trên 3.900 km đường bê tông triển khai theo cơ chế "nhà nước và nhân dân cùng làm". Đặc biệt từ năm 2019 Tỉnh ủy ra chỉ tiêu mỗi năm xây dựng 1.000km đường nông thôn theo cơ chế đặc thù, góp phần chuyển biến tích cực đời sống của người dân vùng nông thôn.

Hệ thống thủy lợi và cung cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh được quan tâm đầu tư nâng cấp, cơ bản đảm bảo phục vụ nước sinh hoạt tập trung cho người dân toàn tỉnh, cung cấp nguồn nước tưới cho các vùng chuyên canh nông nghiệp. Có 98% dân số nông thôn và 99% dân số đô thị sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, đạt mục tiêu Nghị quyết.

Hệ thống trạm, trại thường xuyên được củng cố, đổi mới hoạt động theo hướng nâng cao chất lượng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Thành lập Trung tâm dịch vụ nông nghiệp cấp huyện trên cơ sở hợp nhất Trạm chăn nuôi - thú y, Trạm trồng

trọt - bảo vệ thực vật, Trạm khuyến nông; Trạm Kiểm dịch Cửa khẩu Hoa Lư, thú y cơ sở và các chốt kiểm dịch động, thực vật hoạt động hiệu quả.

1.2. Tái cơ cấu kinh tế đi vào thực chất hơn, từng bước phát huy hiệu quả thế mạnh của tỉnh; 06 chương trình kinh tế trọng tâm và 12 dự án trọng điểm được nỗ lực triển khai, góp phần thay đổi tích cực đời sống xã hội

Chương trình phát triển công nghiệp - xây dựng đạt kết quả cao, đóng góp 43% giá trị trong cơ cấu kinh tế. Công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm 95% trong toàn ngành công nghiệp. Giá trị sản xuất công nghiệp bình quân giai đoạn 2016-2020 tăng 12,7%. Trên địa bàn tỉnh có 13 khu công nghiệp với tổng diện tích 4.686 ha, trong đó có 05 khu đã lấp đầy. Chính sách thu hút đầu tư và công tác xúc tiến đầu tư được quan tâm, nên ngày càng nhiều nhà đầu tư lớn có năng lực đến đầu tư tại tỉnh.

Chuẩn bị điều kiện cho thu hút đầu tư phát triển công nghiệp giai đoạn tới, phối hợp với Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam điều chỉnh quy hoạch sử dụng thêm 9.992 ha giai đoạn 2021-2030 để mở rộng các khu công nghiệp hiện có và phát triển các khu, cụm công nghiệp mới.

Chương trình phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, tác động mạnh mẽ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp, cây ăn trái, phát triển ngành chăn nuôi theo hướng công nghiệp gắn với chuỗi giá trị, tạo nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến¹. Trình độ sản xuất, năng suất lao động và chất lượng sản phẩm nông nghiệp được nâng lên; liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm mở rộng; đã hình thành các thương hiệu Hồ tiêu Lộc Ninh, chỉ dẫn địa lý hạt điều Bình Phước... Ban hành và thực hiện nhiều chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư phát triển nông nghiệp có hiệu quả tích cực.

Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch được chú trọng đầu tư và bước đầu có kết quả khả quan, góp phần chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Tỉnh đã thành lập 05 Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, triển khai quy hoạch vùng an toàn sinh học theo tiêu chuẩn quốc tế; nghiên cứu, thử nghiệm thành công các mô hình như: trồng các giống Hoa Lan nhiệt đới, Dưa lưới, rau thủy canh trong nhà màng và ứng dụng công nghệ thông minh chăm sóc tự động. Chuyển giao hàng chục mô hình trồng cà phê ghép, cải tạo vườn điều già cỗi, xây dựng và phát triển vườn rau an toàn... Các mô hình hợp tác kinh tế và hợp tác xã kiểu mới gắn với chuỗi sản xuất - chế biến đem lại hiệu quả và thu nhập cao hơn cho người nông dân.

Chăn nuôi chuyển biến rõ nét cả về quy mô và tổ chức sản xuất, từ chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang chăn nuôi công nghiệp, quy mô lớn, theo chuỗi giá trị; các cơ

¹ Ước đến năm 2020, tổng diện tích cây trồng đạt 466.300ha (đạt 98% chỉ tiêu Nghị quyết), trong đó diện tích cây cao su khoảng 242.500ha (tăng trên 7.600ha so với năm 2015), điều 181.000ha (tăng trên 640ha), hồ tiêu 14.500ha (giảm trên 2.000ha), cà phê 16.859 ha (tăng gần 1.000ha), cây ăn quả 10.940 ha (tăng trên 3.500 ha).

sở chăn nuôi lớn theo hình thức công nghiệp, hiện đại được hình thành và chiếm tỷ trọng cao; liên kết, khép kín từ chế biến thức ăn, sản xuất con giống đến chăn nuôi, giết mổ và tiêu thụ. Một số công ty, tập đoàn lớn như DABACO, CP, DE HEUS... đã đầu tư mạnh vào lĩnh vực chăn nuôi tại tỉnh, tạo ra khối lượng sản phẩm cung cấp thị trường trong nước và xuất khẩu sang các nước Châu Âu và Nhật Bản... góp phần đưa giá trị sản xuất ngành chăn nuôi lên 20% trong tổng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp².

Diện tích rừng tự nhiên được bảo vệ nghiêm ngặt, chú trọng trồng rừng thay thế, bảo vệ hệ sinh thái và các nguồn gen quý hiếm. Tuyên truyền sâu rộng pháp luật về rừng trong các tầng lớp nhân dân. Kiện toàn tổ chức bộ máy lực lượng quản lý bảo vệ rừng; tiếp tục đổi mới phương thức quản lý bảo vệ, xử lý nghiêm các hành vi phá rừng, lấn chiếm đất rừng; buôn bán vận chuyển lâm sản trái phép. Nguồn lợi từ rừng được quản lý chặt và khai thác hợp lý, du lịch sinh thái đã thu hút ngày càng nhiều khách tham quan.

Lĩnh vực chế biến lâm sản như sản xuất giấy, ván MDF, đồ gỗ xuất khẩu... đã từng bước khẳng định vị trí và góp phần quan trọng đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu đến các nước Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc, Indonesia... nâng cao giá trị kim ngạch xuất khẩu.

Chương trình phát triển du lịch được triển khai với nỗ lực cao và hiệu quả, du lịch khởi sắc rõ nét; hạ tầng du lịch được đẩy mạnh đầu tư. Hiện có 07 dự án trọng điểm về phát triển du lịch với tổng số vốn thu hút đầu tư hơn 10.000 tỷ đồng, trong đó 02 dự án đã hoàn thành (Khu di tích Bộ chỉ huy miền Tà Thiết, Khu bảo tồn văn hóa, dân tộc S'tiêng sóc Bom Bo), 05 dự án đang triển khai (dự án núi Bà Rá; khu du lịch Hồ Suối Cam; du lịch sinh thái Vườn Quốc gia Bù Gia Mập; du lịch sinh thái Trảng cỏ Bù Lạch; hợp phần dự án hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án Bình Phước). Chú trọng xúc tiến hoạt động quảng bá du lịch Bình Phước. Lượng du khách đến Bình Phước tăng dần và tăng khá nhanh vào cuối nhiệm kỳ. Giai đoạn 2016 - 2020 thu hút gần 03 triệu lượt khách, trong đó có trên 125.000 khách quốc tế, tổng doanh thu đạt trên 2.119 tỷ đồng.

Chương trình phát triển thương mại - dịch vụ, xuất - nhập khẩu, mặc dù có nhiều khó khăn, chịu tác động từ nhiều yếu tố khách quan, song cơ bản hoàn thành tốt nhiệm vụ. Kim ngạch xuất, nhập khẩu vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra. Năm 2020, kim ngạch xuất khẩu ước thực hiện 2.560 triệu USD, tốc độ tăng trưởng bình quân 14,7%, (chỉ tiêu Nghị quyết 12,4%); kim ngạch nhập khẩu năm 2020 ước thực hiện 1.500 triệu USD, tốc độ tăng trưởng bình quân 18,7%, (chỉ tiêu Nghị quyết 10%). Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng trưởng

² Hiện trên địa bàn toàn tỉnh có 371 trang trại chăn nuôi heo, gia cầm (282 trang trại heo và 89 trang trại gia cầm). Chăn nuôi công nghiệp, bán công nghiệp chiếm trên 90,43%; có 182/371 trang trại chăn nuôi theo mô hình chuồng kín, ứng dụng công nghệ cao, chiếm 49% so với tổng các trang trại chăn nuôi; 189 trang trại chăn nuôi chuồng hở, nuôi bán công nghiệp, chiếm 51%. Tổng đàn gia súc ước có 937.950 con, đạt 117% chỉ tiêu Nghị quyết; tổng đàn gia cầm ước có 7,80 triệu con, đạt 79% chỉ tiêu Nghị quyết nhưng tăng 167,6% so với năm 2015.

binh quân ước đạt 21,3%. Thành lập Sàn giao dịch nông sản Bình Phước. Đã quy hoạch và mời gọi các nhà đầu tư xúc tiến xây dựng các trung tâm thương mại, siêu thị, chợ đầu mối,...

Chương trình đô thị hóa được tập trung các nguồn lực đầu tư, tỷ lệ đô thị hóa đạt 32% (đạt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra). Các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị từng bước được nâng cấp, đầu tư mới. Đồng Xoài được nâng cấp từ thị xã lên thành phố thuộc tỉnh vào năm 2018, mở ra nhiều cơ hội lớn cho sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của Đồng Xoài và tỉnh Bình Phước.

Chương trình xây dựng nông thôn mới đã huy động được sự tham gia tích cực của người dân; sự vào cuộc quyết liệt, đồng bộ của cả hệ thống chính trị, chung tay xây dựng nông thôn mới và đạt được kết quả thiết thực, có ý nghĩa chính trị, xã hội, nhân văn sâu sắc. Có 60/90 xã đạt chuẩn nông thôn mới, chiếm tỷ lệ 67%; có 5/11 đơn vị cấp huyện (huyện Đồng Phú, Chơn Thành, thị xã Bình Long, Phước Long, thành phố Đồng Xoài) đạt chuẩn nông thôn mới, vượt chỉ tiêu đề ra (Nghị quyết là 50% xã và 01 huyện). Thành công này góp phần làm thay đổi rõ rệt diện mạo vùng nông thôn, đời sống người dân được cải thiện, nâng cao; tỷ lệ hộ nghèo giảm...

Việc triển khai thực hiện 12 dự án trọng điểm: Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X đề ra 11 dự án trọng điểm. Trong quá trình thực hiện, do yêu cầu thực tiễn, tỉnh đã điều chỉnh 03 dự án đưa vào quy hoạch giai đoạn sau, bổ sung 04 dự án mới. Đến nay đã có 06 dự án hoàn thành đưa vào sử dụng, tạo cơ sở, động lực cho phát triển kinh tế - xã hội gồm: (1) dự án nâng cấp đường ĐT759; (2) dự án nâng cấp đường tuần tra biên giới; (3) dự án BOT Quốc lộ 13 đoạn An Lộc - Chiu Riu; (4) dự án đường BT Minh Hưng - Đồng Nơ; (5) dự án khu di tích lịch sử và du lịch sinh thái căn cứ Bộ chỉ huy Miền - Tà Thiết; (6) dự án khu bảo tồn văn hóa dân tộc S'tiêng Sóc Bom Bo.

Có 04 dự án hoàn thành giai đoạn I gồm: (1) dự án Becamex Bình Phước; (2) dự án BOT đường ĐT 741 đoạn Bầu Trư - Đồng Xoài; (3) dự án BOT đường ĐT 741 đoạn Đồng Xoài - Phước Long; (4) dự án khu du lịch tâm linh Bà Rá.

Có 02 dự án đang triển khai gồm: (1) dự án khu du lịch sinh thái kết hợp với phim trường trắng cỏ Bù Lạch; (2) dự án trung tâm thương mại tại Đồng Xoài, Phước Long, Chơn Thành.

1.3. Thu ngân sách tăng cao, các nguồn lực xã hội được huy động, nhất là đầu tư tư nhân với nhiều dự án được triển khai mạnh mẽ

Thu ngân sách của tỉnh có bước tiến vượt bậc, là một trong những kết quả đặc biệt quan trọng trong phát triển kinh tế. Giai đoạn 2016-2020 tốc độ tăng thu bình quân đạt 22%, tốc độ tăng chi ngân sách địa phương bình quân đạt 15%. Ước thu ngân sách năm 2020 đạt 10.000 tỷ đồng, vượt hơn gấp đôi chỉ tiêu đề ra (Nghị quyết đến năm 2020 thu ngân sách đạt 4.850 tỷ đồng). Chi ngân sách thực hiện theo hướng tăng chi đầu tư phát triển và chi sự nghiệp có tính chất đầu tư, giảm chi thường xuyên; chi đầu tư năm sau cao hơn năm trước và chi thường xuyên năm sau

giảm hơn năm trước³. Cơ cấu chi đầu tư phát triển tăng từ 19% năm 2016 lên 57% vào năm 2020, chi thường xuyên giảm từ 71% năm 2016 xuống còn 43% vào năm 2020.

Hiệu quả hoạt động ngành ngân hàng góp phần quan trọng trong việc huy động vốn đáp ứng nhu cầu phát triển của nền kinh tế. Tổng vốn huy động đạt 38.450 tỷ đồng, tăng 15,9% năm so với năm 2015. Tốc độ tăng trưởng dư nợ bình quân của giai đoạn 2016-2020 ở mức cao (ước cuối năm 2020 đạt 94.100 tỷ đồng, tăng bình quân 36,7% năm); có nhiều tổ chức ngân hàng kinh doanh hiệu quả, cung ứng vốn cho nền kinh tế; trong đó ngân hàng Chính sách xã hội có vai trò quan trọng trong công tác giải quyết việc làm và xóa đói giảm nghèo. Ngoài ra, nguồn vốn tự tích lũy của người dân, doanh nghiệp được đầu tư cho sản xuất và tái sản xuất mở rộng đã nâng tổng vốn huy động toàn xã hội giai đoạn 2016-2020 ước đạt 105.546 tỷ đồng, vượt chỉ tiêu đề ra (Nghị quyết đến 2020 là 100.000 tỷ đồng). Trong đó vốn khu vực nhà nước chiếm 20%, vốn khu vực tư nhân chiếm 71%, vốn đầu tư nước ngoài chiếm 9%. Nhiều dự án lớn thuộc khu vực kinh tế tư nhân đã triển khai góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển⁴.

1.4. Môi trường đầu tư kinh doanh tiếp tục được cải thiện, thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp và phát triển hợp tác xã có nhiều chuyển biến tích cực.

Giai đoạn 2016-2020 thu hút đầu tư trong nước được 800 dự án với số vốn đăng ký là 50.000 tỷ đồng, tăng hơn 4 lần về số dự án và hơn 3 lần về số vốn đăng ký so với giai đoạn 2011-2015. Thu hút đầu tư nước ngoài ước đạt 146 dự án với số vốn đăng ký là 1 tỷ 440 triệu USD, tăng hơn 2 lần về số dự án và gần 3 lần về số vốn đăng ký so với nhiệm kỳ trước. Số doanh nghiệp thành lập mới giai đoạn 2016-2020 là 4.850 doanh nghiệp với số vốn đăng ký là 44.440 tỷ đồng, tăng gấp 1,65 lần về số doanh nghiệp và hơn 3 lần về số vốn. Thành lập mới 246 hợp tác xã, tăng gần 2,8 lần so với nhiệm kỳ trước.

Sự phát triển vượt bậc của thu hút đầu tư là kết quả của việc phát huy tác dụng từ các chính sách khuyến khích ưu đãi đầu tư, sự đồng hành cùng với doanh nghiệp và sự quyết liệt trong cải cách thủ tục hành chính, sự quan tâm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và hỗ trợ khởi nghiệp, tạo tiền đề hình thành một thể hệ doanh nhân mới, kinh doanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ và năng động trong tiếp cận thị trường.

1.5. Công tác quản lý đất đai, tài nguyên, khoáng sản và bảo vệ môi trường được tăng cường, nâng cao hiệu quả.

Các nhiệm vụ trong công tác quản lý nhà nước về đất đai được thực hiện đầy đủ, cơ bản kịp thời; công tác quy hoạch điều chỉnh mục đích sử dụng đất vừa tạo nguồn thu cho ngân sách vừa tạo quỹ đất đáp ứng cho phát triển công nghiệp, dịch

³ Chi đầu tư: năm 2016 chiếm 19%; năm 2017 chiếm 27%; năm 2018 chiếm 34%; năm 2019 chiếm 51,54%; ước năm 2020 chiếm 56,72%; chi thường xuyên: năm 2016 chiếm 71%; năm 2017 chiếm 65%; năm 2018 chiếm 59%; năm 2019 chiếm 43,43%; ước năm 2020 chiếm 42%.

⁴ dự án điện mặt trời Hưng Hải; dự án khu đô thị Cát Tường - Phú Hưng; dự án khu đô thị mới công viên trung tâm Đồng Xoài,...

vụ, đô thị; nguồn đất công được quản lý chặt chẽ, hiệu quả sử dụng đất nâng lên. Tỷ lệ diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đạt hơn 98% trên tổng số diện tích cần cấp giấy chứng nhận.

Công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát việc chấp hành quy định về bảo vệ môi trường được tăng cường, nhất là tại các khu, cụm công nghiệp, cơ sở chế biến mù cao su, tinh bột mì, trang trại chăn nuôi heo... Sự suy thoái môi trường sống khu đô thị, khu vực nông thôn được kiểm soát. Công tác xã hội hóa về bảo vệ môi trường được đẩy mạnh với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế; nhiều mô hình tự quản với đông đảo người dân tham gia thu gom rác thải, phân loại rác tại nguồn. Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom, xử lý đạt 95%; tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung theo tiêu chuẩn đạt 100%; tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 85%.

2. Lĩnh vực văn hóa - xã hội.

Văn hóa xã hội luôn được gắn kết chặt chẽ trong mọi hoạt động theo hướng thiết thực, hiệu quả. Công tác bảo tồn và phát huy giá trị truyền thống, di sản văn hóa được chú trọng; khu Di tích Quốc gia đặc biệt Căn cứ Bộ chỉ huy miền Tà Thiết và khu di tích núi Bà Rá được duy tu, nâng cấp, phát huy giá trị lịch sử hào hùng của dân tộc. Các thiết chế văn hóa ở cơ sở được xây dựng nhiều hơn. Hiện 851/861 thôn có Nhà văn hóa (có 372/851 Nhà văn hóa đạt chuẩn theo quy định). Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “Người Bình Phước nói lời hay, làm việc tốt” đi vào chiều sâu, thực chất. Phong trào thể dục thể thao quần chúng phát triển khá sâu rộng ở cấp xã; thể thao chuyên nghiệp có nhiều tiến bộ, thành tích đạt được trong các giải thi đấu thể thao trong nước và quốc tế tăng lên hàng năm.

Công tác tuyên truyền cổ động, biểu diễn nghệ thuật quần chúng và nghệ thuật chuyên nghiệp được chú trọng. Tổ chức nhiều sự kiện văn hóa lớn, thu hút đông đảo quần chúng tham gia. Hoạt động thông tin, tuyên truyền trên báo chí, các phương tiện truyền thông đại chúng, mạng xã hội... được đổi mới cả về nội dung và hình thức, đảm bảo đúng định hướng và đáp ứng nhu cầu thông tin của người dân. Mạng lưới buro chính, viễn thông ngày càng hiện đại; việc ứng dụng công nghệ thông tin được đẩy mạnh và có bước đột phá trong điều hành, quản lý của chính quyền các cấp.

Lĩnh vực giáo dục và đào tạo tiếp tục đạt nhiều kết quả tốt. Quy mô giáo dục mở rộng, hệ thống trường lớp phát triển rộng khắp, mô hình và tổ chức bộ máy trường học được sắp xếp lại hợp lý, hiệu quả; đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý được quan tâm bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; đổi mới phương pháp giảng dạy và đánh giá chất lượng học sinh. Chất lượng giáo dục các cấp học được nâng lên; giáo dục vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số có chuyển biến tích cực. Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng công tác phổ cập giáo dục. Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi luôn đạt kết quả cao trong các cuộc thi ở khu vực và quốc tế. Có 145/435 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt 33,3%, vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra.

Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân thường xuyên được quan tâm. Hạ tầng và trang thiết bị y tế được củng cố, đầu tư, đã nâng cấp Bệnh viện đa khoa tỉnh từ 300 lên 600 giường. Số giường bệnh trên vạn dân đến cuối năm 2020 đạt 29 giường (chỉ tiêu Nghị quyết đề ra là 30,5 giường); số bác sỹ trên vạn dân là 8,5 bác sỹ, đạt chỉ tiêu Nghị quyết. Cùng với việc chú trọng nâng cao đạo đức đội ngũ y, bác sỹ, chất lượng khám và điều trị bệnh cho nhân dân từng bước được nâng cao, công tác y tế dự phòng luôn chủ động trong việc phòng chống dịch bệnh, kiểm tra an toàn thực phẩm, đặc biệt tỉnh đã chủ động, tích cực triển khai các giải pháp đồng bộ để hạn chế lây lan Covid-19.

Khoa học và công nghệ đã bám sát mục tiêu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội với những chuyên môn tiên tiến. Việc đầu tư nghiên cứu, chuyên gia, ứng dụng khoa học công nghệ mới, tiên tiến vào quản lý, sản xuất, nhất là ứng dụng trong lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp ngày càng hiệu quả. Hầu hết các đề tài sau nghiên cứu được đưa vào ứng dụng. Bên cạnh đó các sáng kiến chế tạo công cụ, máy móc và kinh nghiệm sản xuất từ thực tiễn sản xuất được khuyến khích nhân rộng.

Công tác giảm nghèo được triển khai đồng bộ, có sự đổi mới, sáng tạo trong phương pháp lãnh đạo, điều hành chính sách giảm nghèo ngày càng thiết thực, hiệu quả. Nhất là đối với chương trình xóa 1.000 hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số, được phát động, thực hiện từ năm 2019. Năm 2020 tỷ lệ hộ nghèo còn 2,55%, giảm 3,6% so với đầu nhiệm kỳ, đạt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra. Đã thành lập Quỹ an sinh xã hội với diện tích cao su đưa vào khai thác từ năm 2019 là hơn 3.200 ha.

Chính sách đối với người có công, đối tượng bảo trợ xã hội được triển khai hiệu quả. Giai đoạn 2016-2020 giải quyết hơn 4.874 hồ sơ đối tượng chính sách, người có công với cách mạng; hỗ trợ xây dựng và sửa chữa 1.034 căn nhà cho các hộ gia đình khó khăn về nhà ở với tổng số tiền hơn 60 tỷ đồng.

Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người lao động bước đầu đáp ứng nhu cầu lao động cho các ngành, lĩnh vực sản xuất. Chính sách hỗ trợ vốn, giải quyết việc làm cho lao động phát huy hiệu quả tích cực, giá trị ngày công lao động và quyền lợi người lao động được bảo vệ, khống chế tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị dưới mức 3%, đạt chỉ tiêu Nghị quyết.

3. Quốc phòng, an ninh và đối ngoại

Nhiệm vụ quốc phòng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ Quốc gia, đối ngoại được kết hợp chặt chẽ; vận hành tốt cơ chế đảng lãnh đạo, nhà nước điều hành, lực lượng vũ trang làm nòng cốt; thế trận chiến tranh nhân dân và quốc phòng toàn dân luôn được củng cố và nâng cao. Quan tâm xây dựng cơ sở vật chất và tổ chức triển khai thực hiện tốt kế hoạch diễn tập khu vực phòng thủ cấp tỉnh, cấp huyện; lực lượng vũ trang địa phương từ cấp tỉnh đến cấp xã luôn đảm bảo về quân số và trang thiết bị, đủ sức hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Công tác tuyển quân, việc duy trì quân số tại các địa bàn, chính sách hậu phương quân đội góp phần hoàn thành toàn diện nhiệm vụ được giao. Ngoài nhiệm vụ huấn luyện và sẵn sàng chiến đấu, các lực lượng vũ trang còn tích cực giúp dân khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra, tham gia làm đường giao thông nông thôn, xây dựng các điểm dân cư biên giới. Phối hợp chặt chẽ giữa kinh tế với quốc phòng; cơ quan quân sự đã tham gia

đóng góp ý kiến quan trọng đối với các dự án kinh tế, công trình dân sự; đã thi công xong 184 km đường tuần tra biên giới, hoàn thành toàn bộ công tác phân giới, cắm mốc biên giới (với 28 mốc chính 353 mốc phụ). Mọi quan hệ hữu nghị giữa các lực lượng vũ trang tỉnh với các tỉnh giáp biên thuộc Vương quốc Campuchia được duy trì tốt đẹp.

Phát hiện sớm và chỉ đạo giải quyết kịp thời có hiệu quả các vấn đề tiềm ẩn phức tạp về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Thành lập tổ rà soát các vụ án, vụ việc phức tạp kéo dài trên địa bàn tỉnh để tập trung chỉ đạo giải quyết dứt điểm từng vụ việc. Các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia được phát hiện và xử lý từ sớm. Trật tự an toàn xã hội đảm bảo, không xảy ra điểm nóng, biểu tình, bạo loạn. Các loại tội phạm cơ bản được kiềm chế, không để hình thành băng nhóm tội phạm có tổ chức hoạt động. Tai nạn giao thông hàng năm đều giảm trên cả ba tiêu chí (số vụ, số người chết, số người bị thương). An ninh kinh tế được đảm bảo, tập trung xử lý những vi phạm trong quản lý kinh tế, những vụ việc, vụ án kinh tế thuộc diện Ban chỉ đạo phòng chống tham nhũng tỉnh theo dõi.

Hoạt động đối ngoại, hội nhập và hợp tác quốc tế được chú trọng, tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức và nguồn vốn hỗ trợ phi chính phủ trên nhiều lĩnh vực. Mở rộng quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp nước ngoài nhất là hợp tác với các tỉnh, các doanh nghiệp của Nhật Bản, Hàn Quốc, Hà Lan... Quan hệ hợp tác hữu nghị giữa tỉnh với các tỉnh giáp biên thuộc Vương quốc Campuchia và các tỉnh Nam Lào ngày càng phát triển tốt đẹp.

4. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

4.1. Công tác chính trị, tư tưởng, đạo đức

Chú trọng đổi mới, nâng cao chất lượng học tập và xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện các nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương khóa XII, tỷ lệ cán bộ, đảng viên tham gia học tập đạt trên 95%. Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác thông tin xấu độc được triển khai hiệu quả với nhiều giải pháp trong tổ chức lực lượng và hoạt động trên mạng xã hội. Tích cực phòng, chống suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Chủ động nắm bắt tình hình và kịp thời định hướng dư luận xã hội. Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh bằng nhiều nội dung, mô hình thiết thực. Trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu được đề cao. Cải tiến, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin, nâng cao chất lượng các cuộc họp, hội nghị...

4.2. Công tác tổ chức, cán bộ

Hoạt động nổi bật nhất trong công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, thu hút sự quan tâm đặc biệt của cán bộ, đảng viên và Nhân dân là việc sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW, 19-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương khóa XII, bằng việc cụ thể hóa thành Đề án 999 của Tỉnh ủy với mục tiêu trọng tâm “4 giảm, 4 tăng”. Tỉnh đã tổ chức triển khai quyết liệt, đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, tính đồng thuận cao. Sau 2 năm thực hiện, toàn tỉnh đã giảm 138 đầu mối cấp phòng, giảm 210 lãnh đạo

các cấp và 1.845 biên chế. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập, giảm 03 đơn vị cấp tỉnh, 21 đơn vị thuộc sở, 40 đơn vị trực thuộc UBND cấp huyện. Thực hiện Văn phòng Tỉnh ủy phục vụ chung cho Tỉnh ủy và các cơ quan tham mưu, giúp việc; Văn phòng MTTQVN tỉnh phục vụ chung khối MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh. Hợp nhất Báo Bình Phước và Đài PT-TH Bình Phước, 3 Ban quản lý dự án cấp tỉnh, Đảng bộ Khối cơ quan và Đảng bộ Khối doanh nghiệp; sáp nhập 3 trường cao đẳng thành Trường Cao đẳng Bình Phước. Thực hiện kiêm nhiệm nhiều chức danh lãnh đạo, quản lý từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở; sắp xếp tinh gọn các chức danh cán bộ thôn, ấp, khu phố. Kết quả giảm chi thường xuyên, khoảng trên 120 tỷ đồng.

Các cơ quan, đơn vị sau khi được sắp xếp đã nhanh chóng ổn định, từng bước chuyển biến tích cực theo hướng tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động, tăng cường trách nhiệm người đứng đầu và chất lượng cán bộ, công chức; tăng chất lượng phục vụ Nhân dân, doanh nghiệp, đúng với mục tiêu của Đề án.

Tập trung đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng, đảng viên, đảm bảo tổ chức cơ sở đảng là hạt nhân chính trị ở cơ sở; chú trọng nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ và phát triển đảng viên mới. Đảng bộ tỉnh hiện có 21 đảng bộ thuộc tỉnh (giảm 01 do hợp nhất); 764 tổ chức cơ sở đảng (2.417 chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở); 100% thôn, ấp, khu phố, trường học có tổ chức đảng. Trong nhiệm kỳ kết nạp gần 7.000 đảng viên (vượt chỉ tiêu 16%) nâng tổng số đảng viên toàn Đảng bộ tỉnh lên gần 37.000 người. Thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy hiệu quả vai trò cấp uỷ và người đứng đầu; làm tốt công tác đánh giá tổ chức đảng, đảng viên, xây dựng nội bộ đoàn kết, thống nhất. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng (nhất là đối với cán bộ trẻ, nữ, dân tộc thiểu số), đánh giá, bổ nhiệm, luân chuyển, điều động cán bộ dân chủ, công khai, minh bạch, đúng quy định nên đạt nhiều kết quả, phát hiện và phát huy được nhiều cán bộ trẻ, có năng lực; ban hành, thực hiện cơ chế thi tuyển các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp sở, cấp phòng. Trong nhiệm kỳ, đã cử gần 4.000 cán bộ đi đào tạo lý luận chính trị và nâng cao trình độ chuyên môn; cử hơn 39.000 lượt cán bộ đi bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ. Chính sách cán bộ được quan tâm thực hiện.

4.3. Công tác kiểm tra, giám sát

Công tác kiểm tra, giám sát của các cấp uỷ, tổ chức đảng và Ủy ban Kiểm tra các cấp được đổi mới, tăng cường và nâng cao hiệu quả. Trong nhiệm kỳ giám sát chuyên đề 2.908 lượt tổ chức đảng và 2099 đảng viên; kiểm tra 2.698 lượt tổ chức đảng và 4.333 đảng viên. Sau kiểm tra đã kịp thời xử lý nghiêm tổ chức đảng và đảng viên có vi phạm, góp phần phòng ngừa, ngăn chặn vi phạm, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong Đảng. Việc đôn đốc, theo dõi thực hiện kết luận sau các cuộc kiểm tra, giám sát được chú trọng. Thường xuyên thực hiện Quy chế phối hợp giữa các cơ quan về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng; kết quả các kỳ họp Ủy

ban kiểm tra được công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

4.4. Công tác phòng, chống tham nhũng và giải quyết khiếu nại, tố cáo của nhân dân

Công tác phòng, chống tham nhũng được tăng cường, đã triển khai 26 đoàn kiểm tra, rà soát về công tác nội chính, phòng chống tham nhũng, qua đó kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những hạn chế của các đơn vị, địa phương. Đến nay đã xử lý 37 cán bộ có hành vi tham nhũng. Thực hiện nghiêm công tác tiếp công dân của người đứng đầu cấp ủy các cấp. Tỉnh ủy ban hành và tổ chức thực hiện Đề án về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng giai đoạn 2015-2020. Đưa vào vận hành có hiệu quả "Đường dây nóng" của Bí thư Tỉnh ủy và nhiều giải pháp phòng ngừa tham nhũng. Thực hiện nghiêm túc việc rà soát các cuộc thanh tra về kinh tế - xã hội và các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước. Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ giải quyết các vụ án, vụ việc tham nhũng tồn đọng phức tạp, kéo dài. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, kê khai tài sản thu nhập của các đối tượng theo quy định, phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi tham nhũng, tiêu cực.

Công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của nhân dân được các cấp ủy đảng, chính quyền quan tâm. Trong nhiệm kỳ đã tiếp trên 15.000 lượt công dân tại các buổi tiếp công dân định kỳ và tiếp theo kế hoạch để giải quyết bức xúc, khiếu nại kéo dài gần 14.000 lượt công dân; đã giải quyết cơ bản những khiếu nại phát sinh, bảo vệ quyền lợi của công dân theo quy định pháp luật. Tuy nhiên các vụ khiếu nại từ nhiều nhiệm kỳ trước, mặc dù đã nỗ lực giải quyết nhiều lần theo kết luận của Thủ tướng Chính phủ, nhưng người khiếu nại vẫn không đồng ý.

4.5. Công tác dân vận, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể

Hệ thống chính trị làm tốt công tác dân vận, hướng về cơ sở, nắm chắc địa bàn dân cư, kịp thời vận động, tuyên truyền hiệu quả nhằm tạo sự đồng thuận trong Nhân dân. Lãnh đạo, chỉ đạo Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể thực hiện tốt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng; tiếp tục bám sát cơ sở, đổi mới nội dung, đa dạng hóa hình thức vận động, tập hợp đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, giảm nghèo bền vững. Trong nhiệm kỳ vận động được gần 300 tỷ đồng, xây dựng 2.307 căn nhà đại đoàn kết cho người nghèo; nhân rộng mô hình, điển hình "Dân vận khéo", thực hiện tốt công tác dân vận chính quyền. Chất lượng giám sát, phản biện xã hội và tham gia góp ý xây dựng Đảng, chính quyền được nâng lên. Việc thực hiện đối thoại của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp với Nhân dân có những kết quả bước đầu; các ý kiến của người dân, doanh nghiệp, ý kiến của cử tri đều được báo cáo Tỉnh ủy xem xét cho chủ trương giải quyết.

4.6. Công tác xây dựng chính quyền

Hoạt động của Hội đồng nhân dân (HĐND) các cấp được đổi mới và nâng cao chất lượng. Các kỳ họp HĐND đã dành nhiều thời gian cho thảo luận, chất vấn và trả lời chất vấn. Việc quyết định chính sách và các vấn đề theo thẩm quyền có chất lượng và khả thi hơn. Trong giai đoạn 2016-2020 HĐND tỉnh đã ban hành trên 200 nghị quyết, kịp thời cụ thể hóa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương, đem lại hiệu quả thiết thực, góp phần ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội và nâng

cao đời sống nhân dân. Hoạt động giám sát của HĐND các cấp tập trung vào những vấn đề bức thiết, quan trọng, giúp các cơ quan chịu sự giám sát tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc. Chất lượng đại biểu HĐND được nâng cao, phát huy tốt tinh thần trách nhiệm, được Nhân dân tín nhiệm.

Hoạt động quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân các cấp có đổi mới, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ ổn định và phát triển đi lên của tỉnh. UBND tỉnh triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Tỉnh ủy, nghị quyết của HĐND tỉnh và chỉ đạo của Trung ương theo đúng quy định; tích cực tháo gỡ khó khăn trên các lĩnh vực, nhất là những vướng mắc trong sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp. Luôn quan tâm cải cách thủ tục hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; năng động giải quyết những vấn đề phát sinh trên các lĩnh vực.

Tập trung xây dựng chính sách thu hút đầu tư và tổ chức xúc tiến đầu tư; quản lý đất đai và ngân sách chặt chẽ, hiệu quả, nên hạn chế được tình trạng lãng phí tài nguyên đất, thu ngân sách tăng cao, tiết kiệm chi thường xuyên, ưu tiên đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng. Rà soát chấn chỉnh việc đầu tư và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành tập trung và hiệu quả hơn.

Tạo cơ sở quan trọng cho sự phát triển nhanh và bền vững trong thời gian tới trên các lĩnh vực phát triển nông nghiệp công nghệ cao, thu hút đầu tư có chọn lọc, lựa chọn nhà đầu tư lớn có uy tín đến đầu tư tại tỉnh... Quan tâm sâu sắc và quyết liệt chỉ đạo thực hiện 02 chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới và giảm nghèo bền vững; giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo...

Đặc biệt, việc thực hiện hiệu quả mô hình Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh là một bước tiến quan trọng, thực chất trong cải cách thủ tục hành chính của tỉnh, phục vụ người dân, doanh nghiệp được tốt hơn. Từ năm 2018 đã thực hiện mô hình 4 “tại chỗ”, giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến, hầu hết các thủ tục được rút ngắn khoản 30% thời gian, tuy nhiên số lượng các thủ tục hành chính thực hiện trực tuyến, thủ tục đạt mức độ 3, 4 còn thấp.

Đề đẩy mạnh xây dựng và hình thành chính quyền điện tử, năm 2018 Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành nghị quyết số 07 – NQ/TU về xây dựng chính quyền điện tử, kết quả đến nay đã xây dựng được khung chính quyền điện tử, trực liên thông kết nối chia sẻ dữ liệu, các phần mềm quản lý văn bản, văn phòng không giấy, trung tâm điều hành, xây dựng địa phương thông minh.

4.7. Công tác cải cách tư pháp

Công tác cải cách tư pháp được lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, sâu sát, đạt nhiều kết quả tích cực. Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền và các cơ quan, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị nhận thức ngày càng sâu sắc vai trò, ý nghĩa của công tác cải cách tư pháp. Chất lượng điều tra, truy tố, xét xử nâng lên; tỷ lệ trả hồ sơ, án bị hủy và số bị can được tuyên không phạm tội hàng năm đều giảm. Tỷ lệ giải quyết án của các cơ quan tố tụng 2 cấp được cải thiện; Công tác xét xử thận trọng, đúng pháp luật.

Hàng năm, công tác hỗ trợ tư pháp được quan tâm thực hiện đồng bộ, vai trò của luật sư được khẳng định. Công tác quy hoạch, đào tạo, tuyển chọn bổ nhiệm cán bộ tư pháp thực hiện đúng quy định, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Cơ sở vật chất, phương tiện làm việc được quan tâm đầu tư. Sự lãnh đạo của

Đảng, giám sát của cơ quan dân cử đối với các cơ quan tư pháp và hoạt động tư pháp thực chất và hiệu quả hơn.

II. KHÓ KHĂN, YẾU KÉM

1. Trong lĩnh vực kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 7,25%, không đạt mục tiêu của Nghị quyết là tăng 7,5%. Quy mô kinh tế của tỉnh còn nhỏ so với các tỉnh trong vùng. Có 02 dự án trọng điểm triển khai chậm tiến độ (dự án khu du lịch sinh thái kết hợp với phim trường trắng cỏ Bù Lạch; dự án trung tâm thương mại Đồng Xoài, Phước Long, Chơn Thành). Vốn đầu tư phát triển còn ít so với nhu cầu, hiệu quả vốn chưa cao.

- Ngành nông nghiệp chưa chuyển mạnh sang sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm, còn phụ thuộc nhiều vào thời tiết, dịch bệnh và giá cả thị trường không ổn định, nên ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất và đời sống của người nông dân.

- Công nghiệp còn phổ biến là chế biến xuất khẩu nguyên liệu và gia công, tiêu hao nhiều lao động trực tiếp, chậm đổi mới, ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ thông minh, chưa có bước chuẩn bị tốt để theo kịp xu thế của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

- Sản phẩm xuất khẩu chưa chú trọng chế biến sâu, thiếu sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế; một số mặt hàng có tỷ trọng lớn nhưng lại không làm chủ được thị trường, còn xuất khẩu qua trung gian. Thị trường xuất khẩu thiếu ổn định. Việc đăng ký chất lượng, nhãn hiệu, thương hiệu sản phẩm chưa được quan tâm.

- Ngành du lịch tuy phát triển nhưng chưa khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh sẵn có; công tác xúc tiến, quảng bá, liên kết hợp tác phát triển du lịch còn hạn chế. Cơ sở vật chất phục vụ còn thiếu và manh mún, không đáp ứng được nhu cầu du khách, sản phẩm du lịch thiếu hấp dẫn; đội ngũ quản lý, hướng dẫn viên ngành du lịch còn hạn chế cả số lượng và chất lượng.

- Môi trường đầu tư kinh doanh tuy có cải thiện nhưng chưa thật sự thông thoáng, thiếu hấp dẫn; giải quyết thủ tục hành chính nhất là thủ tục liên quan đến đất đai trong một số trường hợp còn gây khó khăn cho người dân, doanh nghiệp. Chỉ số PCI của tỉnh liên tục sụt giảm qua các năm (chỉ số thành phần về đào tạo lao động; thiết chế pháp lý và an ninh trật tự luôn ở mức thấp). Số doanh nghiệp thành lập mới tuy phát triển nhanh, nhưng số doanh nghiệp tạm ngừng, nghỉ, giải thể còn chiếm tỷ lệ cao; nhiều cơ sở sản xuất kinh doanh và hợp tác xã không đảm bảo tiêu chuẩn, sản xuất kinh doanh kém hiệu quả. Nông dân còn phổ biến chạy theo phong trào, thiếu liên kết trong sản xuất và tư duy đầu tư theo tín hiệu thị trường để đảm bảo cân đối cung – cầu; tình trạng ép giá, gian lận thương mại còn xảy ra.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật ở các đô thị trên địa bàn chưa đồng bộ, thiếu nguồn kinh phí đầu tư. Trừ thành phố Đồng Xoài, các đô thị còn lại đều chưa xây dựng hệ thống xử lý nước thải; hệ thống cấp nước và thoát nước mưa tại một số tuyến đường chính chưa đảm bảo yêu cầu; công viên, cây xanh còn hạn chế nhất là khu vực đô thị. Môi trường sống ở đô thị và nông thôn có nhiều vấn đề cần quan tâm.

2. Trong lĩnh vực văn hóa, xã hội

- Một số trường ở bậc mầm non còn thiếu nhiều phòng học cho trẻ ra lớp ở các độ tuổi. Chất lượng dạy, học ở không ít cơ sở giáo dục chưa cao; công tác xã hội hoá đầu tư vào giáo dục chủ yếu chỉ đầu tư ở các cơ sở giáo dục mầm non; đào tạo nghề chưa gắn với nhu cầu các khu công nghiệp. Triển khai thí điểm các lớp dạy song ngữ, chính sách hỗ trợ cho học sinh vùng sâu, vùng xa, học sinh người đồng bào dân tộc thiểu số còn chậm.

- Các thiết chế văn hóa - thể thao chưa đồng bộ, đầu tư thiếu thiết thực, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển và thụ hưởng của người dân; văn hóa khu dân cư và gia đình văn hóa còn hình thức, một số trường hợp không thực chất.

- Khả năng cung cấp các dịch vụ y tế chất lượng cao chưa đáp ứng yêu cầu; chất lượng đội ngũ cán bộ y tế không đồng đều, thiếu cán bộ chuyên khoa sâu tại các bệnh viện. Việc thu hút bác sỹ còn hạn chế, thiếu giải pháp khuyến khích bác sỹ làm việc tại cơ sở y tế công lập. Việc thực hiện tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp y tế đã triển khai nhưng không khả quan.

- Đời sống nhân dân vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc còn khó khăn.

- Nguồn nhân lực còn hạn chế cả về số lượng và chất lượng, nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là nhân lực quản lý còn thiếu chưa đáp ứng yêu cầu cho các doanh nghiệp FDI.

3. Trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh và đối ngoại

- Tình hình tội phạm, vi phạm pháp luật và tai nạn giao thông đã được kiểm chế nhưng chưa bền vững; hoạt động của tội phạm và tệ nạn xã hội nhất là tệ nạn ma túy, tình hình cho vay nặng lãi diễn biến khá phức tạp.

- Tình trạng khiếu kiện kéo dài của người dân liên quan đến đất đai chưa được giải quyết triệt để.

- Tiêu cực, tham nhũng từng bước được đẩy lùi nhưng chưa triệt để, vẫn còn tình trạng những nhiều người dân, doanh nghiệp.

- Các điều kiện để thực hiện chủ trương đối ngoại toàn diện có mặt chưa đạt yêu cầu, còn phụ thuộc nhiều vào quy định của Trung ương, nên trong một số trường hợp xử lý chậm.

4. Trong lĩnh vực xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

- Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức ở một số nơi chất lượng chưa cao; việc nghiên cứu lý luận chính trị, tổng kết thực tiễn còn ít; chưa tạo được bước chuyển biến mạnh mẽ trong ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; việc kiểm tra, đôn đốc thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW của một số cấp ủy, tổ chức đảng còn hạn chế; hoạt động đấu tranh, phản bác thông tin xấu độc trên mạng xã hội có lúc, có nơi hiệu quả chưa cao.

- Việc thực hiện Nghị quyết 39-NQ/TW của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết 18, 19-NQ/TW Trung ương khóa XII ở một số cơ quan, đơn vị còn chậm, thiếu quyết tâm;

việc bố trí nhân sự theo đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức ở một số địa phương, cơ quan, đơn vị chậm và lúng túng.

- Việc đánh giá, phân loại cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức ở một số cơ quan, đơn vị còn mang tính hình thức, thiếu chặt chẽ, chưa phản ánh đúng thực chất, tinh thần tự phê bình và phê bình còn nể nang, ngại va chạm. Còn một số cán bộ, đảng viên chưa tích cực sửa chữa khuyết điểm, thiếu tu dưỡng, rèn luyện, thiếu tinh thần trách nhiệm dẫn đến vi phạm kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số tổ chức cơ sở đảng còn hạn chế. Chất lượng sinh hoạt ở một số chi bộ chưa cao. Công tác xây dựng tổ chức đảng trong các đơn vị kinh tế tư nhân còn chậm, chưa đạt chỉ tiêu đề ra; chưa kết nạp được chủ doanh nghiệp tư nhân vào Đảng. Công tác tuyển dụng cán bộ chưa kịp thời; việc thu hút và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực không đạt được mục tiêu đề ra.

- Một số cuộc kiểm tra, giám sát chất lượng chưa cao; nắm bắt tình hình chưa toàn diện để có quyết định kiểm tra, giám sát phù hợp, kịp thời đối với tổ chức đảng, đảng viên, nhất là người đứng đầu. Sự phối hợp giữa công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với công tác thanh tra nhà nước, giám sát của Hội đồng Nhân dân, Mặt trận Tổ quốc chưa đồng bộ.

- Quan hệ phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc phát hiện, xử lý các vụ án, vụ việc tham nhũng đôi lúc chưa chặt chẽ. Việc xử lý trách nhiệm người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng còn chậm; tự phát hiện tham nhũng tại cơ quan, đơn vị còn hạn chế. Tình trạng tham nhũng vặt vẫn diễn ra, nhất là trong lĩnh vực quản lý đất đai, đầu tư, tài chính, ngân hàng.

- Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân trong vùng quy hoạch, dự án còn hạn chế, chưa được chú trọng và gặp nhiều khó khăn.

- Một số hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể còn nặng về hành chính; phong trào thi đua còn hình thức, thiếu thiết thực, phương thức hoạt động chưa có nhiều sáng tạo, công tác tuyên truyền, vận động, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị của nhân dân chưa thường xuyên. Việc thực hiện quy chế dân chủ ở một số nơi còn hình thức.

- Cải cách hành chính chưa đáp ứng yêu cầu; thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai còn rườm rà gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp. Ý thức chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của một số cán bộ, công chức, viên chức vẫn chưa nghiêm, tình trạng nhũng nhiễu trong thi hành công vụ còn xảy ra, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) thấp.

III. NGUYÊN NHÂN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Nguyên nhân

1.1 Nguyên nhân của kết quả đạt được

Những thành quả đạt được trong nhiệm kỳ vừa qua là kết quả của sự năng động triển khai thực hiện các chủ trương của đảng, chính sách của nhà nước, sự quan tâm hỗ trợ của các cơ quan Trung ương và giúp đỡ của các tỉnh, thành bạn đã tạo điều kiện thuận lợi cho Bình Phước phát triển.

Đồng thời là kết quả của quá trình đầu tư từ các nhiệm kỳ trước đến nay được phát huy. Đặc biệt, là sự lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn, năng động, quyết liệt của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các cấp ủy đảng trong triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa X; có sự đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng Nhân dân và sự quản lý, điều hành hiệu lực, hiệu quả của Ủy ban Nhân dân; có yếu tố quan trọng từ phát huy sức mạnh đoàn kết trong Đảng và đoàn kết toàn dân.

1.2 Nguyên nhân của hạn chế, yếu kém

- Nguyên nhân khách quan

Kinh tế thế giới, thương mại toàn cầu tăng trưởng chậm lại; cạnh tranh chiến lược và căng thẳng thương mại giữa các nền kinh tế lớn gia tăng. Những yếu kém vốn có của nền kinh tế từ nhiều năm trước cần phải có thời gian giải quyết. Đặc biệt là sự suy thoái nghiêm trọng trong năm 2020 do dịch covid – 19 gây ra.

Trong 2 năm đầu nhiệm kỳ, ngành nông nghiệp gặp nhiều bất lợi: hạn hán nghiêm trọng, giá cả các mặt hàng nông sản chủ lực giảm sâu nên tăng trưởng của ngành rất thấp (năm 2016 tăng 1,53%, năm 2017 tăng 3,03%), kéo theo tốc độ tăng trưởng kinh tế của nhiệm kỳ không đạt chỉ tiêu Nghị quyết.

Nhu cầu về vốn để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng là rất lớn trong khi khả năng cân đối ngân sách của tỉnh chưa đáp ứng; các chương trình mục tiêu từ ngân sách Trung ương hỗ trợ cho tỉnh bị cắt giảm 43,4% so với thông báo ban đầu của kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020.

Văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước liên quan tổ chức bộ máy, hệ thống chính trị chưa kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của Đảng, dẫn đến một số khó khăn, vướng mắc khi triển khai thực hiện Đề án 999 của Tỉnh ủy.

- Nguyên nhân chủ quan

Sự phối hợp giữa các cấp, ngành, địa phương chưa thường xuyên, đồng bộ, nhất là trong triển khai thực hiện các chính sách mới về thu hút, ưu đãi đầu tư, chưa coi trọng việc nghiên cứu, quán triệt các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước dẫn đến thiếu quyết đoán, đùn đẩy trách nhiệm.

Vai trò của người đứng đầu ở một số địa phương, cơ quan, đơn vị chưa phát huy; khả năng dự báo, nắm bắt và xử lý tình huống phát sinh của một số ngành, địa phương chưa sát nên thiếu chủ động trong công tác tham mưu.

Việc chấp hành chỉ đạo của cấp trên có nơi, có lúc chưa nghiêm túc, triển khai thực hiện thiếu triệt để. Công tác kiểm tra việc thực hiện nghị quyết không thường xuyên; chất lượng một số cuộc thanh tra, kiểm tra, giám sát thấp.

Công tác chỉ đạo, điều hành về cải cách thủ tục hành chính ở một số cơ quan, đơn vị chưa quyết liệt; sự phối hợp giữa các ngành và địa phương trong việc rà soát, giải quyết thủ tục hành chính về đất đai còn chậm, thiếu tích cực; ứng dụng công nghệ thông tin trong phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị thiếu gắn kết.

Cơ quan chỉ đạo, cơ quan chủ trì tham mưu triển khai dự án trọng điểm chưa quan tâm sâu sắc đến việc xây dựng chính sách cho những hộ bị ảnh hưởng bởi dự

án, dẫn đến có nhiều bất cập người dân không đồng thuận, phải sửa đổi nhiều lần. Bên cạnh đó chưa chú trọng đến công tác thông tin, tuyên truyền cho người dân trong vùng dự án hiểu rõ để tạo sự đồng thuận.

2. Bài học kinh nghiệm

Từ kết quả thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa X, rút ra những bài học kinh nghiệm trong việc tổ chức thực hiện nghị quyết trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội như sau:

Thứ nhất: Quản lý chặt chẽ các nguồn lực, nhất là nguồn thu ngân sách để tập trung chi đầu tư phát triển; phát huy thế mạnh về đất đai để vừa tạo nguồn lực về vốn, vừa tạo mặt bằng cho xây dựng các cơ sở sản xuất, kinh doanh.

Thứ hai: Việc đầu tư phải được ưu tiên, có trọng tâm, trọng điểm và phải có tính chiến lược; ưu tiên thực hiện 03 đột phá chiến lược, trong đó đầu tư hạ tầng giao thông phải đi trước một bước, chú trọng đầu tư hạ tầng Công nghệ thông tin đảm bảo đồng bộ, vượt trước.

Thứ ba: Quan tâm hỗ trợ, giúp đỡ doanh nghiệp, hợp tác xã và các chủ thể sản xuất kinh doanh; kết hợp hài hòa lợi ích chung, lợi ích của người dân, doanh nghiệp; phát hiện và tạo điều kiện cho những nhân tố mới, cách làm mới phát triển. Thường xuyên kiểm tra, rà soát việc thực hiện cải cách thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp.

Thứ tư: Đưa cuộc sống vào nghị quyết, đề ra nhiệm vụ cụ thể, thiết thực, không chung chung; chỉ đạo thực hiện phải kiên quyết, kiên trì và vận dụng mọi khả năng để thực hiện.

Phần thứ hai

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN TRONG NHIỆM KỲ ĐẠI HỘI LẦN THỨ XI (2020 – 2025)

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi

Cùng với cả nước, Bình Phước có điều kiện hội nhập sâu hơn vào khu vực và thế giới; có nhiều cơ hội thu hút đầu tư, phát triển trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Những thành tựu phát triển đất nước thời gian qua cùng với những kết quả mà đảng bộ, chính quyền, nhân dân tỉnh Bình Phước đạt được trong hơn 20 năm tái lập sẽ tạo thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Trên cơ sở các bài học kinh nghiệm quý báu của nhiệm kỳ qua và sự quyết liệt cải cách thủ tục hành chính; tổ chức lại bộ máy tinh gọn, hiệu quả; thành tựu của khoa học công nghệ và những kết quả bước đầu xây dựng chính quyền điện tử; việc triển khai hoàn thành các chương trình kinh tế trọng tâm, các dự án trọng điểm của nhiệm kỳ qua... là động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển của tỉnh trong thời gian tới.

2. Khó khăn, thách thức

Tình hình thế giới và khu vực diễn biến mau lẹ, khó lường, các nước lớn tranh giành ảnh hưởng, tình hình Biển Đông và an ninh phi truyền thống phức tạp, thiên tai, dịch bệnh, nhất là hậu quả nặng nề của dịch covid – 19 sẽ ảnh hưởng sâu đến sự phát triển của tỉnh.

Kết cấu hạ tầng của tỉnh còn hạn chế; quy mô, công nghệ sản xuất của ngành công nghiệp còn nhỏ lẻ, lạc hậu, chưa đáp ứng nhu cầu phát triển. Các mặt hàng nông sản của tỉnh sẽ tiếp tục đối mặt với những khó khăn lớn hơn. Tình hình suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, "tự diễn biến, tự chuyển hoá" trong nội bộ và một số hạn chế trong hệ thống chính trị chậm được khắc phục là nguy cơ gây mất đoàn kết nội bộ, kìm hãm sự phát triển. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội còn tiềm ẩn yếu tố phức tạp, có thể ảnh hưởng đến sự ổn định của tỉnh.

Từ những khó khăn khách quan và nội tại của tỉnh, trong thời gian tới đặt ra những thách thức cần phải tập trung giải quyết thể hiện qua các mối quan hệ cụ thể: (1) giữa yêu cầu phải tăng tốc độ tăng trưởng kinh tế với nhiệm vụ ổn định xã hội, giữ vững quốc phòng an ninh; (2) giữa yêu cầu phát triển nền nông nghiệp toàn diện với những biến đổi tiêu cực của khí hậu; (3) giữa đẩy mạnh công nghiệp hóa, đô thị hóa với giải quyết vấn đề môi trường; (4) giữa yêu cầu cách mạng 4.0 với chất lượng nguồn nhân lực còn thấp; (5) giữa yêu cầu xây dựng nông thôn mới và đảm bảo các chính sách an sinh xã hội với nguồn lực đầu tư còn hạn chế.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Xây dựng đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện, xây dựng chính quyền điện tử, địa phương thông minh. Giữ vững ổn định xã hội; đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và bền vững; tăng thu nhập, giảm đói, nghèo; xây dựng đô thị hiện đại, nông thôn mới văn minh; Quốc phòng - an ninh vững chắc.

2. Các chỉ tiêu cơ bản đến năm 2025 (*Phụ lục 2*)

Chỉ tiêu kinh tế

- 1) Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm đạt từ 9% đến 10%/năm.
- 2) GDP bình quân đầu người đạt trên 100 triệu đồng, tương đương 4.500 USD.
- 3) Cơ cấu kinh tế: công nghiệp xây dựng chiếm 47 - 49%, nông lâm thủy sản chiếm 14 - 16%, dịch vụ chiếm 35 - 39%.
- 4) Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2021-2025 là 175.000 tỷ đồng.
- 5) Thu ngân sách đạt 18.500 tỷ - 20.000 tỷ đồng.
- 6) Kim ngạch xuất khẩu đạt 5 tỷ USD.

Chỉ tiêu về xã hội, môi trường

7) Có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới; 70% số huyện được công nhận huyện nông thôn mới, trong đó có 01 huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Mỗi huyện thành lập mới từ 01 đến 02 thị trấn; mỗi thị xã, thành phố thành lập mới từ 02 đến 03 phường.

8) Có 50% trường đạt chuẩn quốc gia. Đến cuối nhiệm kỳ mỗi cấp học có ít nhất 30% số trường hoàn thiện thiết chế trường học thông minh và dạy song ngữ.

9) Có 100% đề tài nghiên cứu khoa học sau nghiệm thu được đưa vào ứng dụng hiệu quả.

10) Phần đầu đạt 10 bác sỹ và 32 giường bệnh/vạn dân; duy trì mức sinh thay thế, tăng nhanh dân số cơ học để có tổng mức tỷ lệ tăng dân số hàng năm đạt 3%; 100% xã đạt chuẩn quốc gia về y tế; 100% trẻ em được tiêm chủng; không chế tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn 10%. Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 95%.

11) Phần đầu hàng năm có từ 90% trở lên hộ gia đình được công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa”, có từ 70% trở lên thôn, ấp, khu phố và tương đương được công nhận danh hiệu “thôn/ấp/khu phố văn hóa”, có từ 70% trở lên xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; có từ 70% trở lên phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị; 100% cơ quan đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa.

12) Tạo ra 200.000 việc làm mới trong các cơ sở kinh tế, tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị dưới mức 3%, duy trì tỷ lệ sử dụng lao động nông thôn trên 90%. Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70%; giảm tỷ lệ hộ nghèo trung bình mỗi năm 1%.

13) Tỷ lệ che phủ rừng và cây lâu năm đạt 76,7%; có 100% cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường; 100% dân số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

Chỉ tiêu về xây dựng hệ thống chính trị

14) Hàng năm có từ 80% tổ chức, cơ sở đảng đạt mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Kết nạp mới khoảng 6.000 đảng viên.

15) Mỗi đoàn thể chính trị, hàng năm có từ 90% tổ chức cơ sở được xếp loại khá trở lên; mỗi tổ chức một phong trào, một nhiệm vụ thực hiện xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Cơ cấu lại nền kinh tế, tiếp tục lựa chọn ngành, lĩnh vực trọng tâm để đầu tư hiệu quả; nâng cao vai trò quản lý của nhà nước, xây dựng các chính sách phù hợp thúc đẩy sản xuất phát triển.

1.1. Huy động nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng. Trong đó ưu tiên đầu tư hệ thống đường giao thông.

a) Các công trình xây dựng cơ bản

Tập trung nguồn vốn để triển khai thực hiện 10 công trình xây dựng cơ bản từ vốn ngân sách. (danh mục công trình tại mục IV). Ưu tiên các công trình giao thông trọng điểm. Cụ thể:

Phối hợp với Trung ương để tập trung triển khai thực hiện các dự án giao thông kết nối với các tỉnh trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, như: Dự án đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Chơn Thành, dự án đường sắt Dĩ An – Hoa Lư; dự án Quốc lộ 14C kết nối Đăk Nông với Bình Phước qua Tây Ninh, Long An.

Xây dựng giải pháp khả thi cầu Mã Đà, kết nối với Đồng Nai và Sân bay quốc tế Long Thành, cảng biển Vũng Tàu, mở hướng thuận lợi cho liên kết công nghiệp, thương mại, xuất nhập khẩu và thu hút đầu tư.

Tập trung đầu tư có trọng tâm các trục đường song song, trục kết nối với các tuyến đường ĐT741, QL13, QL14; các tuyến đường tránh qua nội ô của các đô thị tạo không gian thuận lợi cho phát triển kinh tế. Tiếp tục triển khai xây dựng đường Đồng Phú – Bình Dương; nâng cấp các tuyến đường liên xã và đường chuyên dùng, phấn đấu nâng tỷ lệ nhựa hóa lên 50% (hiện nay là 25,4%) để kết nối giữa các vùng nguyên liệu với chế biến, tiêu thụ. Ưu tiên 02 địa bàn trọng điểm là Chơn Thành và Đồng Phú.

b) Hạ tầng Công nghệ thông tin

Hoàn chỉnh hạ tầng CNTT và nền tảng kỹ thuật chia sẻ dữ liệu bao gồm: đường truyền kết nối; thiết bị phần cứng; phần mềm quản lý; cơ sở dữ liệu; xây dựng chính quyền điện tử để tạo liên hệ giữa chính quyền với người dân, giữa chính quyền với doanh nghiệp, giữa các cơ quan chính quyền với nhau.

Đến năm 2025, phấn đấu chính quyền điện tử của tỉnh nằm trong Top 30 các tỉnh, thành phố trên toàn quốc; 100% dịch vụ công được cung cấp trực tuyến mức 3, mức 4; 90% hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết trực tuyến; 100% hồ sơ được giải quyết đúng hạn theo quy định.

Nâng cao hiệu quả hoạt động Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh; bổ sung, nâng cấp và tích hợp các dịch vụ công trực tuyến của cấp huyện, cấp xã vào Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh, đảm bảo kết nối liên thông với Cổng dịch vụ công quốc gia.

Xây dựng hệ thống phòng họp trực tuyến thông suốt từ cấp tỉnh đến cấp huyện và cấp xã, phục vụ các cuộc họp, triển khai nghị quyết, giao ban, làm việc giữa lãnh đạo tỉnh với các địa phương; tăng cường năng lực bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trên không gian mạng, góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

c) Xây dựng Trung tâm Hành chính tập trung cấp tỉnh và cấp huyện

Xây dựng Trung tâm Hành chính tập trung cấp tỉnh theo phương thức "đầu tư – sử dụng công" đảm bảo tiện lợi, hiện đại, tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với đổi mới tổ chức bộ máy và cải cách thủ tục hành chính, áp dụng công nghệ thông tin vào mọi hoạt động quản lý. Chuyển mục đích sử dụng đất và trụ sở các cơ quan hiện tại cho mục tiêu đưa Đồng Xoài trở thành trung tâm kinh tế chính trị có tầm ảnh hưởng trong khu vực kinh tế trọng điểm Đông nam bộ.

Đối với cấp huyện sẽ từng bước thực hiện khi có điều kiện nhằm sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, đưa chính quyền gần dân, sát dân.

d) Xây dựng hạ tầng phát triển đô thị, nông thôn

Tập trung đầu tư có trọng điểm hạ tầng của thành phố Đồng Xoài, thị xã Bình Long, thị xã Phước Long, huyện Chơn Thành, huyện Đồng Phú tạo bước chuyển biến mạnh mẽ về thu hút đầu tư phát triển công nghiệp, dịch vụ và dân cư, đô thị. Xác định các dự án trọng điểm về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, trở thành động lực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh và khu vực, mở rộng không gian kinh tế. Kết hợp đồng bộ giữa hệ thống đô thị trung tâm với hệ thống đô thị vùng phụ cận, thị trấn, trung tâm xã, phường; định hướng xây dựng các xã theo tiêu chí đô thị, khi đủ điều kiện nâng cấp lên thị trấn. Quy hoạch đầu tư phát triển đô thị thông minh, đô thị phức hợp hiện đại; chỉnh trang các đô thị hiện có; thiết kế, phát triển các khu đô thị mới có tính đến tiêu chí đặc sắc, khác biệt, tạo dấu ấn tốt để hỗ trợ du lịch. Đầu tư phát triển huyện Chơn Thành thành thị xã.

Hoàn thành các dự án thủy lợi phục vụ nước tưới, nước sinh hoạt: cụm hồ chứa Lộc Ninh, Phước Long, dự án thủy lợi Đồng Xoài, cụm hồ Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư, kết nối tuyến kênh nội đồng Bù Đốp... tăng cường công tác quản lý, tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn nước.

Xây dựng, mở rộng mạng lưới truyền tải điện vào các nhà máy, khu, cụm công nghiệp, phục vụ cung ứng điện cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân.

Tiếp tục thực hiện cơ chế đặc thù để bê tông hóa đường giao thông nông thôn, phục vụ đi lại thuận lợi cho nhân dân. Phấn đấu đến năm 2025 tỉnh Bình Phước có 70% số huyện được công nhận huyện nông thôn mới, trong đó có 01 huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; tỷ lệ đường giao thông nông thôn được bê tông hóa đạt 100%.

1.2. Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; tái cơ cấu kinh tế, thúc đẩy nhanh hơn tỷ trọng công nghiệp, thương mại – dịch vụ trong cơ cấu kinh tế; hỗ trợ, khuyến khích việc đổi mới công nghệ, áp dụng khoa học vào sản xuất để theo kịp tiến độ cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

a) Lĩnh vực công nghiệp

Quy hoạch mới và mở rộng các khu công nghiệp tập trung; mỗi huyện từ 1 đến 3 cụm công nghiệp. Từng bước chuyển các nhà máy nhỏ, lẻ vào các khu, cụm công nghiệp để quản lý và đảm bảo môi trường. Mở rộng các khu công nghiệp Minh Hưng III (577,53ha), Bắc Đồng Phú (317 ha), Nam Đồng phú (480 ha), Minh Hưng – Sikico (1000 ha). Bổ sung quy hoạch và đưa vào hoạt động thêm Khu đô thị - dịch vụ - công nghiệp ở huyện Đồng Phú (6.317 ha) và 3 khu công nghiệp ở huyện Phú Riềng (1.300 ha). Khai thác tiềm năng để phát triển các ngành công nghiệp khai khoáng, năng lượng tái tạo điện năng.

Rà soát, điều chỉnh chính sách nhằm thu hút đầu tư vào các lĩnh vực kinh tế trọng điểm. Ưu tiên thu hút theo cụm ngành công nghiệp chế biến sâu nông lâm sản (điều, cao su, gỗ, trái cây...), công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp nông nghiệp (trong đó chú ý đến kho lạnh bảo quản nông sản để người nông dân có thể ký gửi sản phẩm khi cung vượt cầu; cơ sở phân bón hữu cơ, vi sinh hỗ trợ nông dân làm nông nghiệp sạch...). Đưa sản xuất công nghiệp gần vùng nguyên liệu, giải quyết việc làm tại chỗ cho nông dân. Lựa chọn ngành nghề sản xuất có công nghệ cao,

giải quyết việc làm nhiều nhất cho lao động, tiết kiệm sử dụng đất và giá trị thu được trên một đơn vị diện tích đất cao, đảm bảo môi trường.

Nâng cao tỷ lệ giá trị tăng thêm, giá trị sản xuất trong công nghiệp trên cơ sở từng bước mở rộng quy mô doanh nghiệp và giải quyết các ách tắc về vốn, thị trường, lao động. Đầu tư đồng bộ, hoàn thiện kết cấu hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế, đặc biệt là các công trình xử lý nước thải và đảm bảo diện tích trồng cây xanh. Hoàn thiện hạ tầng ngoài hàng rào kết hợp phát triển các khu đô thị, khu dân cư tạo thuận lợi về chỗ ở và sinh hoạt cho người lao động trong các khu công nghiệp. Triển khai thực hiện 10 dự án do doanh nghiệp đầu tư vốn. Phân đầu tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm ngành công nghiệp là 14-15%.

Đầu tư thu hút, đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu cho các ngành sản xuất, khắc phục tình trạng thiếu lao động giản đơn, lao động kỹ thuật và lao động quản lý tại các khu, cụm công nghiệp.

b) Lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn,

Phát triển nông nghiệp trong nhiệm kỳ tới với **03 nhiệm vụ trọng tâm**: Tạo vùng nguyên liệu; chế biến; hình thành liên kết chuỗi giá trị. **03 ngành trọng điểm**: Chăn nuôi; trồng trọt; lâm nghiệp). **03 sản phẩm xuất khẩu chủ yếu**: Chăn nuôi (heo, gà); hạt điều; sản phẩm từ gỗ. **03 giải pháp hỗ trợ khởi điểm**: Quy hoạch lại vùng sản xuất nguyên liệu; chính sách thu hút, hỗ trợ; nông nghiệp công nghệ cao. Phân đầu tốc độ tăng trưởng bình quân toàn ngành hàng năm đạt 5-6%

Quy hoạch điều chỉnh lại vùng trồng cây chuyên canh, trong đó trọng tâm là cây cao su, cây điều, cây ăn trái, cây lấy gỗ trên cơ sở điều kiện thổ nhưỡng, nhu cầu nguyên liệu của các cơ sở chế biến để xác định quy mô cho từng loại cây trồng; chuyển một phần diện tích trồng cây cao su sang quy hoạch đất công nghiệp, đô thị, dân cư, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Xây dựng chính sách hỗ trợ người sản xuất trong vùng quy hoạch về vốn, kỹ thuật, tổ chức sản xuất để nâng cao hiệu quả và làm cơ sở hình thành chuỗi liên kết. Quy hoạch vùng chăn nuôi hướng đến an toàn dịch bệnh, chăn nuôi công nghiệp, chăn nuôi sạch phải từng bước chi phối toàn ngành chăn nuôi; hạn chế chăn nuôi nhỏ lẻ, thiếu các biện pháp an toàn dịch bệnh. Tạo điều kiện thuận lợi cho các công ty chăn nuôi đầu tư xây dựng, phát triển các trang trại chăn nuôi heo, gà để cung cấp nguồn giống, sản phẩm chất lượng cao. Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với giết mổ gia súc, gia cầm. Đảm bảo hoạt động giết mổ theo đúng quy trình, 100% thịt gia súc, gia cầm lưu thông trên thị trường có kiểm soát thú y. Xây dựng thương hiệu 03 sản phẩm xuất khẩu chủ yếu để tăng nhanh số lượng và kim ngạch xuất khẩu.

Trên cơ sở 5 khu nông nghiệp công nghệ cao đã được phê duyệt, cần đẩy nhanh tiến độ để triển khai sớm, tạo sản phẩm cung cấp cho thị trường; bên cạnh đó hướng toàn bộ các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm, áp dụng mạnh mẽ khoa học vào sản xuất; thực hiện phương châm mỗi địa phương một sản phẩm, nâng cao thu nhập của người nông dân, nhằm tạo ra bước phát triển nhảy vọt trong nông nghiệp.

Quản lý chặt chẽ diện tích rừng hiện còn, nâng cao hiệu quả kinh tế rừng (tận thu sản phẩm phụ; khai thác và nâng cao chất lượng các tour du lịch sinh thái rừng

quốc gia Bù Gia Mập...); thực hiện cơ chế cho thuê rừng; xem xét lại hiệu quả chính sách khoán rừng trước đây để có giải pháp nâng cao hiệu quả, cung cấp gỗ, củi cho các cơ sở chế biến gỗ. Quản lý và thực hiện việc trồng rừng trên các diện tích bán ngập tại các lòng hồ.

Hỗ trợ, khuyến khích hình thành các vùng chuyên canh cây nông nghiệp thế mạnh của tỉnh gắn với doanh nghiệp xây dựng các cơ sở kho vận, chế biến và hỗ trợ pháp lý về hợp đồng liên kết giữa doanh nghiệp với nông dân. Phát huy và nâng cao chất lượng sàn giao dịch nông sản.

Xây dựng chuỗi liên kết thông qua các hình thức hợp tác sản xuất, theo đó lấy doanh nghiệp chế biến làm chủ đạo, điều hành chuỗi để triển khai chính sách hỗ trợ của nhà nước, hợp đồng cung cấp vật tư phân bón, thu mua, chia sẻ kinh nghiệm, rủi ro, đảm bảo quyền lợi của các bên trên cơ sở lợi nhuận bình quân. Trước mắt hình thành thí điểm từ 3 đến 5 mô hình liên kết trong ngành điều.

c) Lĩnh vực thương mại, dịch vụ

Lĩnh vực thương mại nhập khẩu của tỉnh trong những năm tới vẫn chủ yếu là nhập khẩu các hàng hóa dưới dạng thiết bị xây dựng nhà máy, nguyên liệu đầu vào cho sản xuất. Xuất khẩu hàng hoá, tiếp tục tập trung các nhóm sản phẩm có lợi thế, có tỷ trọng lớn trong cơ cấu hàng xuất khẩu; quan tâm phát triển các nhóm sản phẩm chiếm tỷ trọng thấp trong cơ cấu xuất khẩu nhưng có giá trị gia tăng cao hoặc có tốc độ tăng trưởng cao. Chủ động tổ chức các hoạt động xúc tiến xuất khẩu, triển lãm quốc tế để tìm kiếm thị trường; tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tham gia xúc tiến thương mại tại các thị trường mới; thực hiện các phương án, giải pháp ứng phó về xuất, nhập khẩu trước các diễn biến mới của thương mại thế giới. Phân đấu tốc độ tăng trưởng bình quân toàn ngành hàng năm đạt 9-10%

Phát triển thương mại biên giới, tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư và các cửa khẩu Tà Vát, Hoàng Diệu, Tân Tiến. Thu hút các nhà đầu tư vào các cửa khẩu, tạo điều kiện thuận lợi, đẩy nhanh tiến độ xây dựng và khai thác các dự án, phục vụ cho hoạt động thương mại biên giới.

Phát triển cân đối, hợp lý các loại hình trung tâm thương mại, siêu thị, chuỗi cửa hàng tiện lợi, cửa hàng chuyên doanh, cửa hàng tổng hợp, phố thương mại, trung tâm bán buôn, khu dịch vụ phụ trợ, tổng đại lý ở tỉnh, huyện, khu thương mại - dịch vụ ở các khu dân cư, khu, cụm công nghiệp, chợ nông thôn. Đẩy mạnh thu hút đầu tư các trung tâm thương mại tập trung kết hợp với dịch vụ nhà hàng, khách sạn, khu vui chơi tại thành phố Đồng Xoài, thị xã Bình Long, thị xã Phước Long và huyện Chơn Thành. Triển khai sàn giao dịch nông sản tỉnh Bình Phước gắn với thương mại điện tử, đầu tư xây dựng và quản lý có hiệu quả chợ đầu mối nông sản tỉnh Bình Phước tại thành phố Đồng Xoài.

Đẩy mạnh phát triển dịch vụ toàn diện dựa trên cơ sở các lợi thế của tỉnh, yêu cầu của sự phát triển, mối liên kết giữa các ngành, lĩnh vực. Tập trung phát triển mạnh một số ngành dịch vụ sau:

- Dịch vụ du lịch: đầu tư các hạng mục cần thiết để Khu di tích Quốc gia đặc biệt Căn cứ Bộ Chỉ huy quân giải phóng miền Nam Việt Nam (Tà Thiết) thành điểm đến với sản phẩm du lịch đặc trưng. Hoàn thành đầu tư dự án khu du lịch tâm linh Bà Rá, dự án khu du lịch sinh thái kết hợp với phim trường Trảng cỏ Bù Lạch. Tập trung phát triển thành phố Đồng Xoài trở thành đô thị thông minh, đô thị du lịch với các tiện ích, dịch vụ cao cấp, điểm đến hấp dẫn đầu tiên cho chuỗi sản phẩm du lịch trong tỉnh. Đầu tư xây dựng hạ tầng dự án khu đô thị kết hợp nghỉ dưỡng hồ Suối Cam; dự án khu đô thị mới và công viên trung tâm Đồng Xoài. Tăng cường thực hiện liên kết vùng, chú ý thị trường du lịch thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh đồng bằng Sông Cửu Long; xây dựng các tuyến du lịch quốc tế (thành phố Hồ Chí Minh - Bình Phước - Campuchia - Lào - Thái Lan).

- Dịch vụ tài chính, tín dụng, bảo hiểm: Lãnh đạo, chỉ đạo hệ thống ngân hàng trên địa bàn tỉnh tập trung huy động và cung ứng vốn cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh. Kiểm soát luồng tiền để kịp thời điều tiết, nâng cao hiệu quả vốn vay. Điều hành tăng trưởng tín dụng phù hợp, điều chỉnh cơ cấu tín dụng theo hướng ưu tiên cho lĩnh vực sản xuất kinh doanh, xuất - nhập khẩu, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Đẩy mạnh triển khai việc mua các loại bảo hiểm bắt buộc, vận động người dân tham gia các loại bảo hiểm để giảm thiểu rủi ro trong cuộc sống và sản xuất.

- Dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin: Phát triển hạ tầng viễn thông theo hướng phục vụ cho thương mại điện tử và kinh tế số. Dịch vụ viễn thông hướng tới các dịch vụ truyền thông bao trùm, kết nối toàn diện, tham gia vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, là nền tảng và động lực cho phát triển kinh tế - xã hội.

- Quan tâm phát triển các loại dịch vụ khác như: logistics, dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ tư vấn pháp lý... theo hướng tiện ích, chất lượng và từng bước đáp ứng theo chuẩn mực quốc tế.

d) Lĩnh vực khoa học và công nghệ

Ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ làm nền tảng để nền kinh tế tăng trưởng chủ yếu dựa vào năng suất lao động, hàm lượng khoa học và công nghệ. Tập trung các hoạt động ứng dụng, chuyển giao công nghệ. Các đề tài nghiên cứu khoa học sau khi được nghiệm thu bàn giao cho các đơn vị ứng dụng đạt 100%. Tiếp tục xây dựng và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, phát triển doanh nghiệp khoa học công nghệ. Nâng cao năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

Tập trung thúc đẩy xây dựng và bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, khẩn trương việc tạo lập chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận cho các sản phẩm đặc thù, có lợi thế của địa phương.

Triển khai chương trình hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới thiết bị, công nghệ, cải tiến kỹ thuật, áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất, chất lượng các sản phẩm chủ lực của tỉnh. Khuyến khích, tạo điều kiện để kinh tế tư nhân tham gia nghiên cứu, đổi mới, sáng tạo, phát triển khoa học và công nghệ.

Ưu tiên đầu tư cho việc nghiên cứu tạo giống cây trồng, vật nuôi mới phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Trước mắt tập trung nghiên cứu tạo giống điều mới

năng suất đạt từ 2,5 tấn trở lên để sớm đưa vào trồng đại trà tạo điều kiện cho ngành điều phát triển.

1.3. Nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành của nhà nước; thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu đề ra; triển khai quyết liệt các đột phá; xây dựng chính sách phù hợp tạo điều kiện cho phát triển nhanh, bền vững

a) Quản lý chặt chẽ tài chính, tài nguyên, môi trường và các nguồn lực hiệu quả:

Phấn đấu đến năm 2025 thu ngân sách đạt 18.500 - 20.000 tỷ đồng. Xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước hợp lý và huy động tốt các khoản thu qua hệ thống thuế. Tăng cường quản lý, kiểm soát chặt chẽ chi, thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên, ưu tiên chi cho đầu tư phát triển và các chính sách an sinh xã hội. Tập trung giải pháp giải ngân xây dựng cơ bản nhanh, hiệu quả.

Thực hiện đồng bộ các chính sách và có giải pháp phù hợp để huy động các nguồn lực xã hội. Phấn đấu giai đoạn 2021-2025, tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 175.000 tỷ đồng. Tập trung thu hút vốn khu vực ngoài nhà nước, vốn đầu tư nước ngoài; khuyến khích huy động nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách để xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội bằng các hình thức đầu tư hợp tác công tư (PPP).

Quản lý chặt chẽ tài nguyên đất và tài nguyên khoáng sản, trong đó tài nguyên đất giai đoạn 2020-2025 vẫn là nguồn lực quan trọng nhất, vừa tạo ra ngân sách cho đầu tư phát triển, vừa là tư liệu sản xuất đặc biệt không thể thiếu cho các ngành, lĩnh vực sản xuất. Do vậy trong thu hút đầu tư cần phải lựa chọn các nhà đầu tư có tiềm lực về tài chính, công nghệ hiện đại, nộp ngân sách cao. Khoáng sản đá xây dựng phải quản lý khai thác phù hợp với nhu cầu xây dựng của tỉnh, tiết kiệm sử dụng để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng trong thời gian tới. Triển khai nghiên cứu khoáng sản bô-xít để xem xét tính hiệu quả khi khai thác.

Triển khai các dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường tại bãi rác của các huyện, thị xã, thành phố; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh, nhất là tại các khu, cụm công nghiệp. Đầu tư hệ thống quan trắc chất lượng nguồn nước, hệ thống giám sát các hoạt động xả nước thải; hệ thống giám sát quy trình vận hành các hồ chứa thủy lợi, thủy điện trên dòng sông Bé để chủ động phòng ngừa, ngăn chặn và giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước. Xây dựng chiến lược bảo vệ môi trường, trong đó kiểm soát chặt môi trường trong khai thác, chế biến khoáng sản, khu công nghiệp chế biến.

b) Tiếp tục triển khai thực hiện quyết liệt các đột phá, tạo bước chuyển và nền tảng tốt hơn cho phát triển giai đoạn tới.

- **Đột phá trong cải cách thủ tục hành chính:** Thường xuyên cập nhật, công bố bộ thủ tục hành chính cấp tỉnh, huyện và xã; mọi thủ tục đều được mẫu hóa và thực hiện trực tuyến, liên thông; Trung tâm phục vụ hành chính công chịu trách nhiệm nhận và trả kết quả mà người dân không phải đến các cơ quan nhà nước để gửi và nhận.

- **Đột phá trong đầu tư kết cấu hạ tầng:** Trong đó hạ tầng giao thông đi trước một bước và tập trung cho **02 trọng điểm** là Đồng Phú và Chơn Thành; **02**

tuyến hành lang là tuyến song song với quốc lộ 13 (kết nối từ khu công nghiệp Bàu Bàng kết nối với đường Minh Hưng – Đồng Nơ); tuyến song song với quốc lộ 14 (tiếp tục triển khai đường Đồng Phú – Bình Dương, sau đó kéo dài lên Bù Đẳng). Bên cạnh đó đầu tư các tuyến đường kết nối trong các vùng dự án để khai thác diện tích đất công trồng cao su sang phát triển công nghiệp và đô thị. Tiếp tục ưu tiên ngân sách cho các địa phương phát triển hệ thống đường giao thông liên huyện; thực hiện cơ chế đặc thù để làm đường giao thông nông thôn.

Ưu tiên tiếp theo là đầu tư cho lĩnh vực công nghệ thông tin, đảm bảo hạ tầng hoàn thiện, đồng bộ, thường xuyên cập nhật ứng dụng mới trong quản lý điều hành. Vận hành thông suốt Chính quyền điện tử; nghiêm túc thực hiện quy định văn phòng không giấy (gửi nhận văn bản bằng điện tử, hộp không giấy).

- Đột phá trong đào tạo nguồn nhân lực:

Trước mắt là căn cứ vào nhu cầu lao động của các nhà máy để xây dựng chính sách thu hút lao động đến tỉnh làm việc. Thực hiện chuẩn hóa cơ sở vật chất kỹ thuật, phương tiện giáo dục, đào tạo, dạy nghề. Nâng cao chất lượng và hiệu quả các cơ sở đào tạo nghề, đào tạo lao động theo nhu cầu của các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Chú trọng đào tạo nghề cho lao động nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số. Phát triển mạnh hệ thống dạy nghề với 3 cấp trình độ (sơ cấp, trung cấp, cao đẳng), đầu tư tập trung vào hệ thống dạy nghề kỹ thuật thực hành, liên kết với các doanh nghiệp, đào tạo theo yêu cầu của doanh nghiệp.

Trong dài hạn phải triển khai việc đào tạo song ngữ tại các trường học trong tỉnh; tiếp tục nâng cao và mở rộng trường chuyên, lớp chọn để đào tạo các thế hệ con em Bình Phước đủ trình độ làm việc trong các doanh nghiệp FDI và tham gia quản lý các doanh nghiệp, các cơ quan nhà nước.

c) Xây dựng chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã.

Xây dựng chính sách ưu đãi của tỉnh trong thời gian tới dựa trên các quy định của pháp luật, đảm bảo các doanh nghiệp đều bình đẳng, chuyển căn bản sang mô hình tăng trưởng dựa chủ yếu vào tăng năng suất, áp dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất. Xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã, ưu tiên thu hút đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp chế biến sâu, công nghiệp phụ trợ, nông nghiệp công nghệ cao và sản xuất theo chuỗi giá trị. Khuyến khích hỗ trợ các mô hình hợp tác trong sản xuất kinh doanh; nâng cao hiệu quả quỹ khởi nghiệp; mời gọi các tập đoàn kinh tế tư nhân lớn đến đầu tư tại tỉnh.

Tăng cường công tác xúc tiến đầu tư trong nước, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đối với các dự án phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân có năng lực và chuẩn mực đạo đức, văn hóa doanh nhân trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Khuyến khích, động viên tinh thần khởi nghiệp, ý chí khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo. Thành lập câu lạc bộ khởi nghiệp, gắn kết với quỹ khởi nghiệp của tỉnh, hỗ trợ các doanh nghiệp trẻ, các doanh nghiệp đầu tư vào các sản phẩm chủ lực, lĩnh vực tiềm năng thế mạnh của tỉnh, các ý tưởng kinh doanh khả thi thành hiện

thực. Tăng cường gặp gỡ, đối thoại với các hội, hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp để kịp thời giải quyết khó khăn vướng mắc cho doanh nghiệp, hợp tác xã nhằm thúc đẩy sản xuất, kinh doanh phát triển.

2. Quan tâm đầu tư các lĩnh vực xã hội nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho nhân dân để văn hóa thực sự trở thành nền tảng của xã hội. Trong đó con người là trung tâm vừa là mục tiêu, vừa là động lực.

2.1. Lĩnh vực văn hóa, thể thao

Quản lý và sử dụng hiệu quả các thiết chế văn hóa, thể thao. Quy hoạch, dự trữ quỹ đất để xây dựng các công trình văn hóa, thể thao khi đủ điều kiện. Ưu tiên đầu tư các công trình phục vụ thể dục, thể thao cộng đồng và học đường. Đẩy mạnh phát triển nghệ thuật, thể thao quần chúng; đầu tư phù hợp cho văn nghệ chuyên nghiệp, thể thao thành tích cao; đẩy mạnh xã hội hóa thể thao thành tích cao, giảm gánh nặng ngân sách cho lĩnh vực này. Bảo tồn các giá trị, phong tục, bản sắc văn hóa các dân tộc; phục dựng các lễ hội, ngành nghề truyền thống. Hàng năm tổ chức liên hoan văn hóa các dân tộc cấp tỉnh và cấp huyện. Tiếp tục triển khai có hiệu quả và thực chất Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

2.2. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo

Đầu tư cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất các trường học đảm bảo đạt tiêu chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất, trang thiết bị. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện các cấp học, chú trọng giáo dục đạo đức học sinh, dạy song ngữ tiếng Việt - tiếng Anh, xây dựng trường học thông minh và duy trì phát triển các trường chuyên trung học phổ thông. Tiếp tục nâng cao chất lượng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu, tạo nguồn bồi dưỡng nhân tài. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục và đào tạo; các hoạt động khuyến học, khuyến tài; khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển giáo dục - đào tạo. Xây dựng chính sách hỗ trợ, khuyến khích con em đồng bào dân tộc thiểu số bản địa đến lớp, ưu tiên cho học sinh thuộc đối tượng gia đình nghèo.

Nâng cao chất lượng đào tạo của Trường Chính trị, Trường Cao đẳng Bình Phước; đồng thời tăng cường liên kết đào tạo đại học, sau đại học; xây dựng Trường Cao đẳng Bình Phước tại khu công nghiệp Becamex Bình Phước để gắn đào tạo nghề, nguồn nhân lực với vùng trọng điểm phát triển công nghiệp.

2.3. Lĩnh vực y tế

Đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng y tế từ tỉnh đến cơ sở theo hướng chuẩn hóa và hiện đại; kiện toàn tổ chức hệ thống ngành y theo Đề án 999 của tỉnh; triển khai hiệu quả chính sách đặc thù để phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế, nhất là đội ngũ bác sỹ; chú trọng thu hút và đào tạo chuyên sâu, chuyên khoa, phát triển lĩnh vực y tế thông minh; đẩy mạnh xã hội hóa về y tế. Chủ động, tổ chức triển khai có hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, cảnh giác cao với các loại dịch bệnh nguy hiểm. Đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

Nâng cao chất lượng công tác khám, chữa bệnh, đảm bảo điều trị, cấp cứu kịp thời và xử trí tốt các trường hợp mắc bệnh truyền nhiễm lây lan nhanh. Thực hiện

thường xuyên việc kiểm tra, thanh tra hoạt động kinh doanh dược phẩm và thực phẩm chức năng. Tạo điều kiện thuận lợi phát triển hệ thống y tế tư nhân, nhất là lĩnh vực khám chữa bệnh dịch vụ, đồng thời quản lý chặt chẽ về hoạt động, chuyên môn để phục vụ người bệnh; có chính sách đặc thù thu hút đầu tư xây dựng một số cơ sở y tế đạt tiêu chuẩn quốc tế.

Chú trọng công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe ban đầu cho người dân, phổ biến kiến thức tự rèn luyện sức khỏe, phòng bệnh; xây dựng hệ thống dữ liệu y tế toàn dân.

2.4. Lĩnh vực an sinh xã hội, giải quyết việc làm

Vận động toàn xã hội tham gia với quyết tâm cao nhất cho công tác an sinh xã hội. Sử dụng nguồn thu từ xổ số kiến thiết để đầu tư vào lĩnh vực an sinh xã hội. Huy động các nguồn lực cho công tác giảm nghèo bền vững. Điều tra, rà soát, đánh giá chính xác hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm để có giải pháp phù hợp. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ trợ cấp xã hội theo quy định của Nhà nước. Phần đầu mỗi năm giảm 1% hộ nghèo.

Xây dựng cơ chế nhà nước hỗ trợ đào tạo nghề theo yêu cầu của các cơ sở sản xuất kinh doanh nhằm giải quyết và nâng cao chất lượng lao động, đảm bảo có việc làm ổn định cho người lao động.

3. Xây dựng quốc phòng, an ninh vững mạnh, mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại

Xây dựng lực lượng vũ trang địa phương tinh gọn, đủ sức chiến đấu; xây dựng khu vực phòng thủ **vững toàn diện, mạnh trọng điểm** trên cơ sở củng cố vững chắc nền quốc phòng toàn dân. Nắm và dự báo chính xác tình hình, xử lý kịp thời, không để bị động, bất ngờ, ngăn chặn hoạt động của các đối tượng phản động, các phần tử cực đoan, các loại tội phạm xuyên biên giới; xử lý hiệu quả tình trạng vi phạm quy chế biên giới; bảo vệ vững chắc chủ quyền, an ninh biên giới.

Giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, đảm bảo an ninh kinh tế; Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan nội chính với chính quyền địa phương để giải quyết các vấn đề phức tạp về an ninh dân tộc, tôn giáo, an ninh nông thôn, an ninh kinh tế. Thường xuyên nắm bắt tình hình, tuyên truyền, vận động các hộ dân chấp hành tốt các quy định của pháp luật. Nâng cao chất lượng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng thế trận an ninh nhân dân vững mạnh. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm kiểm chế, giảm tai nạn giao thông trên cả ba tiêu chí.

Thực hiện đúng chủ trương, đường lối đối ngoại của Đảng. Duy trì thường xuyên các hoạt động phối hợp, giao lưu, hợp tác, kết nghĩa; tạo điều kiện cho phát triển kinh tế - xã hội. Nâng cao hiệu quả các hoạt động đối ngoại trên cả ba kênh: đối ngoại đảng, ngoại giao chính quyền, ngoại giao nhân dân.

4. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh

4.1. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội

Đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác chính trị, tư tưởng của đảng: Cùng cố, tăng cường sự đoàn kết trong Đảng và sự đồng thuận trong xã hội. Khắc phục tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Đổi mới việc triển khai học tập, quán triệt nghị quyết và xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện nghị quyết sát với thực tế địa phương, đơn vị. Chú trọng công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác thông tin xấu độc trên mạng xã hội. Đổi mới nội dung, phương pháp tuyên truyền, chủ động định hướng và chỉ đạo xử lý thông tin kịp thời; củng cố hiệu quả hoạt động của các cơ quan truyền thông; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với hoạt động báo chí, xuất bản theo hướng hội tụ, đa phương tiện, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền trong tình hình mới.

Thực hiện hiệu quả, thực chất việc nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là đối với người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị. Nâng cao hiệu quả việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động; vận hành tốt cơ chế đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý, mặt trận, đoàn thể tham gia tuyên truyền vận động triển khai các chủ trương, nghị quyết của đảng. Đề cao sự sáng tạo, chủ động, nhanh chóng đưa nghị quyết thâm nhập vào quần chúng để nghị quyết thành hiện thực.

Xây dựng đảng bộ vững mạnh về tổ chức: Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị thực sự tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị; Nghị quyết 18-NQ/TW, Nghị quyết 19-NQ/TW của Trung ương khóa XII; Đề án 999 của Tỉnh ủy.

Xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp đủ chuẩn, có tâm huyết, năng động trong công tác. Thực hiện công tác đánh giá, phân loại tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên nghiêm túc, thực chất. Đảm bảo các khâu trong công tác cán bộ, bảo vệ chính trị nội bộ, chính sách cán bộ. Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức tinh thông, chuyên nghiệp, có phẩm chất đạo đức và khát vọng xây dựng quê hương Bình Phước. Chú trọng phát hiện, bồi dưỡng và bổ nhiệm cán bộ thực sự có năng lực và tâm huyết.

Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, phát triển và nâng cao chất lượng đảng viên; thực hiện nghiêm quy chế làm việc, nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình; nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, chất lượng sinh hoạt chuyên đề.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng:

Quán triệt và tổ chức thực hiện toàn diện, đồng bộ các nhiệm vụ về kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng, tạo sự chuyên biến mạnh mẽ, cải tiến, đổi mới phương pháp, kỹ năng, quy trình về công tác kiểm tra, giám sát. Có sự phối hợp giữa kiểm tra, giám sát của đảng với giám sát của Hội đồng Nhân dân và thanh tra nhà nước để tránh trùng lặp và tạo ra cơ chế, biện pháp chủ động phát hiện sớm để phòng ngừa, ngăn chặn khuyết điểm của tổ chức và cá nhân.

Chú trọng kiểm tra, giám sát người đứng đầu cấp ủy, địa phương, đơn vị; việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị và nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng; thực hành tiết kiệm chống lãng phí; những lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực như tài chính, xây dựng cơ bản, quản lý đất đai... việc thực hiện chủ trương của Đảng trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án... Giải quyết kịp thời đơn thư khiếu nại, tố cáo, đảm bảo công minh, chính xác, kịp thời. Chủ động phát hiện, xem xét, xử lý kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên có sai phạm. Tăng cường giám sát việc khắc phục những khuyết điểm, vi phạm sau kết luận kiểm tra.

Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí:

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí kết hợp chặt chẽ giữa tích cực phòng ngừa, chủ động phát hiện với xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, lãng phí. Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và của toàn dân, thực hiện đồng bộ các biện pháp trong công tác phòng chống tham nhũng lãng phí. Gắn phòng chống tham nhũng, lãng phí với công tác xây dựng, chỉnh đốn đảng, củng cố hệ thống chính trị và niềm tin của nhân dân đối với đảng.

Duy trì lịch tiếp doanh nghiệp, công dân, xử lý kịp thời các kiến nghị của doanh nghiệp, người dân và đơn thư khiếu nại, tố cáo; giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu nại tồn đọng kéo dài; xử lý và kịp thời phản hồi thông tin cho nhân dân liên quan đến những phản ánh qua đường dây nóng của Bí thư Tỉnh ủy và các kênh tiếp nhận khác.

Tiếp tục đổi mới công tác dân vận, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; xây dựng mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng đảng:

Tiếp tục đổi mới sự lãnh đạo của đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới, tạo sự chuyên biến thực sự và đồng bộ trong công tác dân vận của hệ thống chính trị. Xác định công tác dân vận chính quyền là khâu then chốt, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội đóng vai trò nòng cốt trong tham mưu, cầu nối giữa đảng với nhân dân. Quan tâm những vấn đề thiết thực trong đời sống nhân dân nhằm củng cố vững chắc lòng tin của nhân dân đối với đảng. Xác định từng phần việc, chương trình cụ thể của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, tránh dàn trải và hình thức. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua “Dân vận khéo”, gắn với các phong trào thi đua khác ở địa phương.

Tăng cường đối thoại, lắng nghe ý kiến của nhân dân, chỉ đạo giải quyết kịp thời những bức xúc, kiến nghị chính đáng của cử tri và nhân dân. Thực hiện tốt cơ chế “Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ” và phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng”. Xây dựng các phong trào thiết thực, thực sự cần thiết, khắc phục các phong trào hình thức không hiệu quả.

4.2. Xây dựng chính quyền tinh gọn, trong sạch, vững mạnh, năng động:

Tiếp tục xây dựng cơ quan hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần nghị quyết 18-NQ/TW và Đề án 999 của tỉnh; tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp đủ năng lực và liêm chính

trong thực thi công vụ; tiếp tục cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính, ứng dụng khoa học, công nghệ mới để nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành và hoàn thành việc xây dựng chính quyền điện tử, địa phương thông minh. Từ năm 2021, cơ bản các hoạt động điều hành, quản lý bằng trực tuyến.

Xây dựng quy chế vận hành bộ máy khoa học, tránh trùng chéo, phát huy tính năng động trong công tác tham mưu, quản lý. Thực hiện phân cấp quản lý rõ ràng, minh bạch theo thẩm quyền, để phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong công việc. Tiếp cận nhanh các chính sách của Trung ương và những yêu cầu từ thực tiễn để tham mưu ban hành chính sách của tỉnh phù hợp, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội.

4.3. Cải cách tư pháp theo hướng xây dựng nền tư pháp dân chủ, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, từng bước hiện đại:

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chiến lược cải cách tư pháp; nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các cơ quan tư pháp, cơ quan bảo vệ pháp luật trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân; không để xảy ra oan, sai, không bỏ lọt tội phạm. Thực hiện tốt cơ chế giám sát đối với công tác cải cách tư pháp. Quan tâm kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan tư pháp, thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ làm công tác tư pháp và hỗ trợ tư pháp.

IV. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM

1. Các nhiệm vụ trọng tâm

1) Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng đảng, hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh; kiện toàn bộ máy tổ chức theo tinh thần nghị quyết 18-NQ/TW, nghị quyết 19-NQ/TW và Đề án 999 của tỉnh tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; cải cách thủ tục hành chính; xây dựng đội ngũ cán bộ năng lực, liêm chính.

2) Đổi mới chính sách, thu hút đầu tư; chỉ đạo triển khai các dự án trọng điểm; xây dựng chính quyền điện tử.

3) Quản lý chặt chẽ, hiệu quả tài nguyên đất, rừng, và các loại khoáng sản; kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm môi trường.

4) Thực hiện quyết liệt 02 chương trình mục tiêu quốc gia: xây dựng nông thôn mới và chương trình xóa đói giảm nghèo.

5) Chỉ đạo thực hiện 3 chương trình đột phá với những cách làm mới, hiệu quả

6) Tăng cường quốc phòng an ninh, giữ vững chủ quyền lãnh thổ quốc gia, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, mở rộng và nâng cao hoạt động đối ngoại

7) Nâng cao chất lượng công tác giáo dục, đào tạo; công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân; chỉ đạo các hoạt động văn hóa thể thao thiết thực, hiệu quả, nâng cao đời sống văn hoá tinh thần cho nhân dân.

8) Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, giải quyết tốt mọi kiến nghị, khiếu nại của người dân.

2. Các dự án trọng điểm

2.1. Các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước (10 dự án)

1) Xây dựng đường giao thông phía Tây QL13 kết nối Chợ Thành - Hoa Lư (tổng vốn 965 tỷ đồng; hoàn thành năm 2025).

2) Nâng cấp mở rộng QL 13 đoạn từ Ngã ba Lộc Tấn đến cửa khẩu Quốc tế Hoa Lư (tổng vốn 450 tỷ đồng; hoàn thành năm 2023).

3) Xây dựng ĐT.752B đoạn QL 14 đi Minh Hưng (tổng vốn 550 tỷ đồng; hoàn thành năm 2025).

4) Xây dựng ĐT.753B đoạn Phú Riêng, Bù Na, Nam Cát Tiên (tổng vốn 500 tỷ đồng; hoàn thành năm 2025).

5) Nâng cấp ĐT.760 từ Thọ Sơn đến Trung tâm huyện Bù Gia Mập (tổng vốn 450 tỷ đồng; hoàn thành năm 2025).

6) Xây dựng đường vành đai Tp. Đồng Xoài, từ khu công nghiệp Đồng Xoài I đến đường Phú Riêng Đỏ (tổng vốn 450 tỷ đồng; hoàn thành năm 2024).

7) Nâng cấp đường từ QL 13 vào khu công nghiệp Việt Kiều (tổng vốn 274 tỷ đồng; hoàn thành năm 2023).

8) Xây dựng đường cấp theo đường dây 500 KV đoạn Đồng Xoài - Đồng Phú (tổng vốn 180 tỷ đồng; hoàn thành năm 2024).

9) Xây dựng các hồ bậc thang Suối Cam với 5 hồ chứa cho 5 bậc thang (tổng vốn 550 tỷ đồng; hoàn thành năm 2024).

10) Dự án nâng cấp huyện Chợ Thành thành thị xã Chợ thành (phần đầu hoàn thành vào giữa nhiệm kỳ 2020-2025).

2.2. Các dự án sử dụng vốn của doanh nghiệp (10 dự án)

1) Dự án khu công nghiệp – đô thị- dịch vụ Đồng Phú (tổng vốn 30.000 tỷ đồng; hoàn thành năm 2025).

2) Dự án khu công nghiệp Minh Hưng SiKiCo (tổng vốn 10.000 tỷ đồng; hoàn thành năm 2023).

3) Dự án xây dựng tòa nhà Trung tâm Hành chính tỉnh (tổng vốn 797 tỷ đồng; hoàn thành năm 2022).

4) Dự án điện năng lượng mặt trời huyện Lộc Ninh (tổng vốn 10.000 tỷ đồng; hoàn thành năm 2023).

5) Dự án Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Công ty Hải Vương (tổng vốn 2.500 tỷ đồng; hoàn thành năm 2024).

6) Dự án Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Công ty Thành Lễ (tổng vốn 1.400 tỷ đồng; hoàn thành năm 2024).

7) Dự án Khu đô thị Cát Tường Phú Hưng (tổng vốn 5.000 tỷ đồng; hoàn thành năm 2023).

8) Dự án Khu đô thị mới Công viên Trung tâm Đồng Xoài (tổng vốn 746 tỷ đồng; hoàn thành năm 2024).

9) Dự án Khu du lịch Hồ Suối Cam giai đoạn 2 (tổng vốn 1.753 tỷ đồng; hoàn thành năm 2024).

10) Dự án Trung tâm thương mại Đồng Xoài, Chợ Thành, Phước Long (tổng vốn 5.000 tỷ đồng; hoàn thành năm 2025). (Phụ lục 3).

Trên đây là Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa X, trình Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 – 2025. Đại hội giao cho Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XI xây dựng chương trình, kế hoạch, các giải pháp cụ thể để tập trung triển khai, tổ chức thực hiện có hiệu quả; quán triệt sâu sắc nội dung Nghị quyết trong toàn Đảng bộ và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh. Tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của các cấp ủy đảng, sự điều hành có hiệu quả của các cấp chính quyền, phát huy vai trò tham gia giám sát, phản biện tích cực của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, sự đồng thuận của Nhân dân trong tỉnh; tạo sự thống nhất cả về nhận thức và hành động trong việc tổ chức thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đề ra./.

T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH

PHỤ LỤC 1
Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu của Nghị quyết Đại hội Đảng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu 2016-2020/đến 2020	Thực hiện năm 2016	Thực hiện năm 2017
A	Chỉ tiêu kinh tế				
1	Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP)	%	7.5	5.03	6.58
2	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	61.1	45.05	51.99
3	Cơ cấu kinh tế (theo giá thực tế)		100	100	100
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	32.4	29.3	27.7
	- Công nghiệp và xây dựng	%	30	28.8	32.2
	- Dịch vụ	%	37.6	42.0	40.1
4	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	100,000	17,650	18,430
5	Tổng thu ngân sách trên địa bàn tỉnh	Tỷ đồng	4,850	4,530	5,617
6	Xuất nhập khẩu				
	- Giá trị xuất khẩu hàng hóa	Triệu USD	2,000	1,543	2,115
	- Tốc độ tăng giá trị xuất khẩu hàng hóa	%	112.4	119.62	137.07
7	Về môi trường				
	- Tỷ lệ che phủ rừng	%	74.8	66.9	68.3
	- Tỷ lệ cơ sở sản xuất đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100	70	72
	- Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%	98	91.7	94.2
B	Về xã hội				
8	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	50	16.3	29.34
9	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	25	22.7	24.14
10	Tỷ lệ đề tài sau nghiệm thu được đưa vào ứng dụng có hiệu quả	%	100		
11	Các chỉ tiêu về y tế				
	- Số bác sỹ/vạn dân	Bác sỹ	8.5	7.2	7.5
	- Số giường bệnh/vạn dân	Giường	30.5	26.5	27.5
	- Mức giảm tỷ suất sinh hàng năm	‰	0.2	0.2	0.2
	- Tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế	%	95	66.7	75
	- Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%	80	74.94	81.16

	- Trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng	%	95	90	90
	- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng	%	13.5	14.2	10.68
12	Về xây dựng đời sống văn hóa				
	- Tỷ lệ hộ gia đình được công nhận và giữ vững danh hiệu "Gia đình văn hóa"	% (hàng năm)	>80%	91	92
	- Có từ 60% trở lên thôn, ấp, khu phố và tương đương được công nhận và giữ vững danh hiệu "thôn, ấp, khu phố văn hóa"	%	60	58	60
	- Có 50% trở lên xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới	%	50	40	43
	- Có 50% trở lên phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị	%	50	47	48
	- Có 80% trở lên cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa	%	80	83	88
13	Chỉ tiêu về lao động, việc làm, đào tạo nghề và giảm nghèo				
	- Lao động được giải quyết việc làm	Người	150,000	37,464	37,455
	- Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị	%	<3,0	≤ 3,2	≤ 3,2
	- Duy trì tỷ lệ sử dụng thời gian lao động nông thôn trên 90%	%	90	90	90
	- Đào tạo nghề cho lao động	Người	30,000	6,008	7,920
	- Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	60	44	48
	- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn tiếp cận đa chiều giảm hàng năm	%	0.5	5.37	4.5
C	Về xây dựng hệ thống chính trị				
14	<i>Tổ chức sở đảng, đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở trên hàng năm</i>	%	80	80	80
	<i>Kết nạp đảng viên mới</i>	người	7.000		
15	<i>Mỗi tổ chức chính trị - xã hội hàng năm có trên 90% tổ chức cơ sở được xếp loại khá trở lên</i>	%	90	90	90

Nghị quyết Đại hội đề ra chỉ tiêu theo chuẩn cũ là dưới 1% (tương ứng với 3,65% theo chuẩn mới), vì (Quyết định 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015).

g bộ tỉnh lần thứ X, nhiệm kỳ 2015-2020

Thực hiện năm 2018	Thực hiện năm 2019	Ước thực hiện năm 2020	Thực hiện 2016-2020/đến 2020	So với mục tiêu
7.43	8.48	8.77	7.25	Xấp xỉ đạt kế hoạch
55.19	62.01	67.3	67.3	Vượt
100	100	100		Vượt
23.8	21.4	20.5		
35.8	40.4	43.0		
40.5	38.2	36.5		
19,960	23,000	26,500	105,546	Vượt
7,000	9,054	10,000	10,000	Vượt
				Vượt
2,240	2,370	2,560	2,560	Vượt
105.91	105.80	108.02	114.68	Vượt
				Đạt
70	72.6	74.9	74.9	Vượt
75	85	90	90	Không đạt
95.3	97	98	98	Đạt
38.9	53.3	66.7	66.7	Vượt
27.1	31.49	33.3	33.3	Vượt
	75	100	100	Đạt
				Đạt
7.8	8	8.5	8.5	Đạt
28	28.5	29	29	Không đạt
0.2	0.2	0.2	0.2	Đạt
85.6	94.6	100	100	Vượt
84	86.2	90	90	Vượt

90	90	95	95	Đạt
10.19	13.3	12	12	Vượt
				Đạt
95	81	82	82	Đạt
60	56	60	60	Đạt
45	50	55	55	Vượt
50	50	50	50	Đạt
90	83	85	85	Vượt
				Vượt
38,790	36,000	35,000	184,700	Vượt
≤ 3,2	≤ 3,2	≤ 3,2	≤ 3,2	Đạt
90	90	90	90	Đạt
10,594	7,500	6,000	38,022	Vượt
52	56	60	60	Đạt
3.55	3.05	2.55	0.72	Vượt
80	80	80	80	
			7.000	Vượt
90	90	90	90	

thời điểm ban hành Nghị quyết chưa có quy định về chuẩn mới

PHỤ LỤC 2

Các chỉ tiêu chủ yếu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu 2021-2025/đến 2025	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025
A	Chỉ tiêu kinh tế							
1	Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP)	%	9-10	9-10	9-10	9-10	9-10	9-10
2	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	100	72.6	78.5	84.6	91.4	100
3	Cơ cấu kinh tế (theo giá thực tế)		100.0	100.0	100.0	100.0	100.0	100.0
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	14-16					
	- Công nghiệp và xây dựng	%	47-49					
	- Dịch vụ	%	35-39					
4	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	175,000	29,000	31,500	34,500	38,000	42,000
5	Tổng thu ngân sách trên địa bàn tỉnh	Tỷ đồng	18.500-20.000					
6	Xuất nhập khẩu							
	- Giá trị xuất khẩu hàng hóa	Triệu USD	5,000	2,800	3,200	3,700	4,200	5,000
	- Tốc độ tăng giá trị xuất khẩu hàng hóa	%		109.4	114.3	115.6	113.5	119.0
7	Về môi trường							
	- Tỷ lệ che phủ rừng	%	76.7	75.2	75.6	76	76.4	76.7
	- Tỷ lệ cơ sở sản xuất đạt tiêu chuẩn môi trường	%	95	91	92	93	94	95
	- Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%	100	98.4	98.8	99.2	99.6	100
B	Về xã hội							
8	Xây dựng nông thôn mới							
	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	100	76	87	100	100	100
	Huyện được công nhận huyện nông thôn mới	huyện	2					
	trong đó huyện được công nhận nông thôn mới kiểu mẫu	huyện	1					
9	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	50	35	38	42	46	50
10	Tỷ lệ đề tài sau nghiệm thu được đưa vào ứng dụng có hiệu quả	%	100	100	100	100	100	100
11	Các chỉ tiêu về y tế							
	- Số bác sỹ/vạn dân	Bác sỹ	10	8.5	8.8	9	9.4	10
	- Số giường bệnh/vạn dân	Giường	32	29	29.5	30	31	32
	- Mức giảm tỷ suất sinh hàng năm	%o	0.2	0.2	0.2	0.2	0.2	0.2
	- Tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế	%	100	100	100	100	100	100
	- Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%	95	91	92	93	94	95
	- Trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng	%	100	95	96	97	98	100
	- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng	%	10	12	11.5	11	10.5	10
12	Về xây dựng đời sống văn hóa							

PHỤ LỤC 3

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM 2020-2025

Đơn vị

STT	Danh mục dự án	Dự kiến tổng mức đầu tư	Nguồn vốn thực hiện
	Tổng cộng	71,565	
I	Các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước	4,369	
1	Xây dựng đường giao thông phía Tây QL13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	965	NSNN
2	Nâng cấp mở rộng QL 13 đoạn từ Ngã ba Lộc Tấn đến cửa khẩu Quốc tế Hoa Lư	450	NSNN
3	Xây dựng ĐT.752B đoạn QL 14 đi Minh Hưng	550	NSNN
4	Xây dựng ĐT.753B đoạn Phú Riêng, Bù Na, Nam Cát Tiên	500	NSNN
5	Nâng cấp ĐT.760 từ Thọ Sơn đến Trung tâm huyện Bù Gia Mập	450	NSNN
6	Xây dựng đường vành đai thành phố Đông Xoài, từ khu công nghiệp Đồng Xoài I đến đường Phú Riêng Đỏ	450	NSNN
7	Nâng cấp đường từ QL 13 vào khu công nghiệp Việt Kiều	274	NSNN
8	Xây dựng đường cáp theo đường dây 500 KV đoạn Đồng Xoài - Đồng Phú	180	NSNN
9	Xây dựng các Hồ bậc thang Suối Cam (5 hồ chứa cho 5 bậc thang)	550	NSNN
10	Xây dựng huyện Chơn Thành thành thị xã Chơn Thành		NSNN
II	Các dự án vốn của doanh nghiệp	67,196	
11	Dự án khu công nghiệp dịch vụ Đồng Phú	30,000	Vốn DN
12	Dự án khu công nghiệp Minh Hưng SiKiCo	10,000	Vốn DN
13	Dự án xây dựng tòa nhà Trung Tâm hành chính tỉnh	797	Vốn DN
14	Dự án điện năng lượng mặt trời huyện Lộc Ninh	10,000	Vốn DN
15	Dự án Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Công ty Hải Vương	2,500	Vốn DN
16	Dự án Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Công ty Thành Lễ	1,400	Vốn DN
17	Dự án Khu đô thị Cát tường Phú Hưng	5,000	Vốn DN
18	Dự án Khu đô thị mới Công viên Trung Tâm Đồng Xoài	746	Vốn DN
19	Dự án Khu du lịch Hồ Suối Cam giai đoạn 2	1,753	Vốn DN
20	Dự án Trung tâm thương mại Đồng Xoài, Chơn Thành, Phước Long	5,000	Vốn DN

đồng

Dự kiến thời gian hoàn thành
2025
2023
2025
2025
2025
2024
2023
2024
2024
2022-2023
2025
2023
2022
2023
2024
2024
2023
2024
2024
2025